ĐC
3KV(V312)
V 115 K

CỘNG SẢN VIỆT NAM

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

* * *

VĂN KIỆN

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ III

ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI

(THÁNG 1 - 1983)

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT SẢN

TỈNH UỶ ĐỒNG NAI

* * *

VĂN KIỆN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ III
ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI
(THÁNG 1 – 1983)

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH ĐẢNG BỘ ĐỒNG NAI TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ III (ĐỢT HAI)

Từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đến nay đã hơn 3 năm. Đó là những năm tiếp tục khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế văn hoá theo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV.

Đặc biệt, từ khi có các Nghị quyết 6 và 26 đến nay, đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội IV đề ra được cụ thể hoá một bước bằng những chủ trương và chính sách cụ thể hơn. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, tuy còn diễn biến phức tạp nhưng bước đầu đã có những chuyển biến mới rất quan trọng, mở ra nhiều triển vọng cho giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ.

Trọn cả một năm, chúng ta đã giành nhiều thời gian, công sức tiến hành Đại hội Đảng các cấp (đợt một và tiếp theo đợt hai). Để nghiên cứu, đóng góp, quán triệt, vận dụng và hướng mọi hoạt động kinh tế - xã hội vào việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Dưới ánh sáng của các Nghị quyết mới của Đảng, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 1982 tiếp tục có thêm những tiến bộ rõ hơn càng có nhèiu nhân tố tích cực, tạo thêm nhiều khả năng thuận lợi mới để tiếp tục vượt khó khăn, phát triển sản xuất và ổn định đời sống.

Gần đây, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã có Nghị quyết lần thứ ba về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985.

Trong điều kiện và hoàn cảnh thuận lợi đó, chúng ta tiếp tục tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, (đợt hai). Lần này Đại hội sẽ đi sâu kiểm điểm việc chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, đánh giá tình hình các mặt trong hơn 3 năm qua, khẳng định những thành tích, tiến bộ, kinh nghiệm đã đạt được, thấy rõ những khuyết điểm, tồn tại và phân tích rõ các nguyên nhân; nhất là về phía chủ quan; định ra những mục tiêu, nhiệm vụ của 3 năm còn lại 1983 - 1985, cụ thể hóa kế hoạch kinh tế xã hội năm 1983; quyết định những chủ trương, biện pháp lớn nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm và tồn tại, tiếp tục vượt qua khó khăn, bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh và thắng lợi các Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, các Nghị quyết mới của Ban chấp hành Trung ương Đảng và những Nghị quyết mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt hai) sẽ thông qua.

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH CHUNG TỪ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ II TỚI NAY

A. - Hơn 3 năm qua, chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, chấp hành Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đã ra sức phấn đấu trên các mặt sản xuất, xây dựng, phân phối lưu thông, văn

hóa. xã hội, an ninh quốc phòng. Trên nhiều mặt, chúng ta đã đạt được những tiến bộ và thành tích nhất định, có ý nghĩa là đã góp phần làm cho tình hình chung trong tỉnh có những chuyển biến đáng kể.

1. Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, sản xuất công nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có tiến bộ. Cơ sở vật chất và kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội được quan tâm xây dựng thêm.

a) Nông nghiệp:

Trong nông nghiệp, đã nhanh chóng khắc phục hậu quả mất mùa của năm 1978. Hơn 3 năm qua, diện tích canh tác tiếp tục mở thêm 14.000 ha. Năm 1982 tăng thêm 22.000 ha gieo trồng. Cơ cấu cây trồng đã thay đổi theo hướng tích cực, vừa đảm bảo ổn định thêm một bước về lương thực, vừa nhanh chóng mở rộng diện tích một số cây chuyên canh có giá trị cao, tỷ suất hàng hóa lớn, đưa nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện hơn, cả trồng trọt và chăn nuôi. Các huyện lúa tiếp tục tạo thêm thế mạnh mới về màu. Các vùng màu tiếp tục phát huy nhanh thế mạnh mới về cây công nghiệp ngắn ngày và chăn nuôi. Đến năm 1982, tỷ trọng diện tích cây lương thực chiếm 69%, cây thực phẩm 9%, cây công nghiệp ngắn ngày 22% tương ứng năm 1978 chỉ mới 8%, 6% và 14%).

Về lương thực, sản lượng qui lúa 3 năm 1979 - 1981 đạt 970.000 tấn, bình quân một năm 320.000 tấn, tăng hơn 3 năm 1976 - 1978 trên 320.000 tấn. Năm 1982 đạt 340.000 tấn.

Riêng về lúa, sản lượng của 3 năm sau đạt 440.000 tấn, bình quân một năm 147.000 tấn, tăng hơn 3 năm trước 110.000 tấn. Năm 1982 đạt 170.000 tấn là năm đạt cao nhất từ sau giải phóng. Nhờ thay giống và tăng thêm phân, năng suất lúa bình quân cũng tăng dần từ 20,1 tạ (1979) lên 21,3 tạ (1980), 22,1 tạ (1981). Năm 1982 đạt trên 24,3 tạ/ha. Riêng năng suất lúa rẫy cũng thay đổi từ 12,5 tạ (1979) lên 16 tạ/ha năm (1982). Tuy nhiên, tiến bộ về thâm canh còn chậm, chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu.

Về màu, sản lượng quy lúa của 3 năm sau đạt 530.000 tấn, tăng hơn 3 năm trước 226.000 tấn. Năm 1982 tiếp tục đạt cao hơn năm 1981.

Trong cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày, các loại đậu đều tăng khá nhanh về diện tích và sản lượng. Đậu nành của 3 năm sau đạt 45.000 ha. (33.000 tấn), bình quân 1 năm 15.000 ha (11.000 tấn), tăng hơn 3 năm trước gần 20.000 ha (10.000 tấn). Năm 1982 đạt trên 23 000 ha (18:000 tấn). Đậu các loại (chủ yếu là đậu xanh), 3 năm sau đạt 40.000 ha (23.000 tấn), tăng hơn 3 năm trước 18.000 ha (10.000 tấn). Năm 1982 đạt 17.000 ha (10.000 tấn). Đậu phộng 3 năm sau đạt gần 25.000 ha (21.000 tấn) tăng hơn 3 năm trước 10.000 ha (hơn 3.000 tấn). Năm 1982 đạt trên 11.000 ba (9.000 tấn).

Các loại cây chuyên canh khác như mía, thuốc lá trong 3 năm sau diện tích phát triển chưa ổn định. Mía chỉ 5.000 – 6.000 ha/năm, thuốc lá chỉ 2.500 - 3.500 ha/năm. Do ảnh hưởng của chính sách đầu tư, thu mua, chế biến và tiêu thụ chưa hợp lý, nên diện tích chưa phục hồi lại được bằng năm cao nhất trước đây (mía 8.700 ha, thuốc lá 5.700 ha).

Bên cạnh tiến bộ về trồng trọt, chăn nuôi cũng phát triển nhanh. Đàn heo từ 82.000 con (1978) lên 120.000 con (1981). Năm 1982 đạt 133.000 con. Đặc biệt ở các huyện nhiều màu, đàn heo càng tăng, hàng năm khá nhanh. Đàn heo ở thành phố

tăng chậm và còn nhiều khó khăn. Đàn bò tăng nhanh cả sinh sản và tăng cơ học, từ 30.000 con (năm 1978) lên 34.600 (1981). Năm 1982 đạt 36.400 con, trâu cũng tăng từ 7.500 con (1978) lên 10.500 con (1982).

Nhờ bước phát triển mới, tương đối toàn diện và phù hợp về cơ cấu, bảo đảm giá trị sử dụng, nâng cao thêm giá trị, nên đời sống ở nông thôn tương đối ổn định và có tăng thu nhập. Nhà nước mỗi năm càng huy động được cao hơn về lương thực, thực phẩm, nông sản, hàng hóa. Tiêu biểu năm 1982 là năm huy động được cao nhất từ trước tới nay: lương thực được 51.000 tấn, thịt heo hơi 3.500 tấn, đậu nành trên 14.000 tấn v.v... Kết quả của sản xuất và thu mua trong nông nghiệp trong hơn 3 năm qua đã tạo điều kiện thuận lợi rất cơ bản cho chúng ta trang trải đủ nhu cầu lương thực cho khu vực Nhà nước trên lãnh thổ, góp nhiều nguyên liệu cho công nghiệp trung ương và địa phương, bảo đảm nghĩa vụ theo kế hoạch đối với trung ương và ngày càng có thêm nhiều nông sản, hàng hóa để xuất khẩu, tạo thêm tích lũy mới từ nông nghiệp. Nông nghiệp đã góp phần bảo đảm cho các ngành và các mặt hoạt động kinh tế xã hội tiếp tục phát triển hơn trong trong 3 năm qua so với trước đây. Năm 1982 là năm tiêu biểu của tình hình đó, ngay ở từng huyện và chung toàn tỉnh.

Các xã kinh tế mới đến nay cơ bản đã ổn định về sản xuất và đời sống. Đại bộ phận đã bám trụ làm ăn, xây dựng cuộc sống mới. Nhiều nơi đã có lương thực, thực phẩm, nông sản hàng hóa và có đóng góp cho Nhà nước mỗi năm càng nhiều.

Các nông trường, trạm, trại quốc doanh của địa phương mấy năm qua còn phải tiếp tục củng cố, chưa vươn lên trong sản xuất, kinh doanh và quản lý. Năm 1982 có chuyển bước đầu về phương hướng sản xuất, lấy ngắn nuôi dài, tự tạo thêm vốn và bắt đầu phân cấp một số nông trường cho huyện.

Các nông trường cao su của trung ương trên lãnh thổ tiếp tục khắc phục được khó khăn, mở rộng khai hoang trồng mới, bảo đảm khai thác và chế biến, không ngừng cải tiến về quản lý. Từ năm 1979 đến hết năm 1982, khai hoang trồng mới được hơn 10.000 ha, đưa tổng diện tích cao su đến nay lên 40.000 ha, trong đó diện tích khai thác trên 23.000 ha, đưa sản lượng mà khai thác và giao nộp hàng năm từ 18.000 tấn lên 20.000 tấn. Năm 1982, Công ty cao su Đồng Nai đã hoàn thành toàn diện kế hoạch Nhà nước.

Trong khu vực tập thể, phong trào tiếp tục được củng cố bằng nâng cao trình độ tổ chức, quản lý, đầu tư thâm canh, áp dụng và mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Qua bước củng cố và có phát triển mới, đến cuối năm 1982, toàn tỉnh mới tập thể hóa được 14% số hộ, 10% diện tích canh tác. Số lượng và tỷ lệ hợp tác hóa có giảm hẳn so với năm 1979, nhưng thành phần chất lượng nâng lên vững chắc hơn. Kết quả phát động phong trào học tập và làm theo điển hình tiên tiến trong số 624 tập đoàn hiện có, đến nay đã phân loại được 466 tập đoàn. Số tập đoàn tiên tiến đạt 17%, khá 29%, trung bình 31%, yếu kém 22%. Trong 14 hợp tác xã, số tiên tiến đạt 28%, khá 21%, trung bình 14%, yếu kém 36% Diện khoán sản phẩm đã mở rộng được 76% so với tổng số hợp tác xã (10/14) và 47%, so với tổng số tập đoàn sản xuất (295/624). Năm 1982 kết hợp với củng cố, đã phát triển thêm 62 tập đoàn sản xuất và 3 hợp tác xã. Phần lớn các đơn vị mới thành lập đều áp dụng ngay và có kết quả hình thức khoán sản phẩm theo chỉ thị 100. Tuy nhiên, so với yêu cầu bức bách trước tình hình mới, thì công tác cải tạo nông nghiệp trong hơn 3 năm qua là quá chậm. Công tác này chưa được tiếp tục quán triệt như là một công tác trung tâm thường xuyên,

chưa làm thấu suốt ý nghĩa sâu sắc và tác dụng quyết định của nó trong việc mở đường tổ chức lại sản xuất, phân phối lại sản phẩm theo quy hoạch và kế hoạch.

b) Lâm nghiệp:

Sau bước cải tạo và tổ chức lại sản xuất năm 1978, trong hơn 3 năm qua, sản lượng lâm sản khai thác tiếp tục tăng hơn so với 3 năm trước. Gỗ khai thác của 3 năm 1979 - 1981 đạt trên 400.000 m^3 tăng hơn 3 năm trước 50.000 m^3. Tiến bộ rõ của những năm sau này là nâng được tỷ lệ tận dụng gỗ cành, ngọn lên đến 50 – 60%, chuyển hướng tập trung khai thác chủ yếu vào lòng hồ Trị An, hạn chế nhất định việc khai thác tràn lan ở các địa bàn khác so với 3 năm trước đây. Kết quả khai thác các loại lâm sản (gỗ, củi, tre, mây, buông) đã góp phần đáng kể vào việc bảo đảm vật tư và hàng xuất khẩu của trung ương, giải quyết nhu cầu sản xuất, xây dựng, xuất khẩu của địa phương, mở rộng thêm ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp, công ăn việc làm cho lao động thành thị, nhất là hàng mộc và đan lát xuất khẩu của thành phố Biên Hòa.

Đi đôi với khai thác, có tiếp tục trồng mới được 8.500 ha rừng tập trung, tăng hơn 3 năm trước 3.000 ha.

Năm 1982, ngành lâm nghiệp tiếp tục đặt kế hoạch khai thác và trồng mới tiếp tục ổn định thêm cơ sở vật chất của các lâm trường, tạo được điển hình bước đầu về kết hợp sản xuất lâm - nông nghiệp, bắt đầu phân cấp một số lâm trường cho huyện.

c) Thủy hải sản: Từ khi chia tách Vũng Tàu, chỉ đạo hoạt động về thủy hải sản có lúc bị lơi đi. Nhưng sau đó, đã kịp thời được củng cố, nhất là từ cuối năm 1980 đến nay. Càng về những năm sau này, hoạt động về mặt thủy hải sản của ngành, cũng như ở các huyện ven biển, có nhiều tiến bộ, trên đà đi lên, tiếp tục phát huy khả năng đánh bắt và mở rộng nhanh diện tích nuôi trồng, tập trung hơn cho mặt hàng xuất khẩu, tăng nhanh hiệu quả và tích lũy.

Trong 3 năm 1979 - 1981, kết quả đánh bắt được 52.000 tấn hải sản các loại. Từ sau khi được củng cố, kết quả đánh bắt tăng dần lên hàng năm. Năm 1980 đạt 8.000 tấn, 1981 đạt 10.000 tấn, năm 1982 trên 12.000 tấn. Thu mua cũng tăng lên từ 1.800 tấn (1980) lên 2.700 tấn (1982). Do tập trung cho xuất khẩu, năm 1981 và 1982 ngành thủy sản và các huyện đã có thêm ngoại tệ, nhập vật tư, phụ tùng, thiết bị, tự giải quyết khó khăn, đưa hoạt động của ngành phát triển thuận lợi, tăng nhanh tích luỹ cho ngân sách và đầu tư trở lại cho việc mở rộng nhanh diện tích nuôi, trồng (mặn, lợ, ngọt). Năm 1982 mở diện nuôi, trồng gần 300 ha trong số 700 ha đã và đang thiết kế, đầu tư, xây dựng mới.

Nghề muối trong 3 năm qua vẫn tiếp tục giữ vững. Hàng năm sản xuất được 40.000 - 50.000 tấn, huy động được 30.000 - 40.000 tấn.

d) Công nghiệp: Sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp địa phương liên tiếp trong các năm qua mặc dù gặp nhiều khó khăn về nguyên liệu, vật tư, phụ tùng, năng lượng (trong đó mức cung ứng của trung ương trong các năm 1979 - 1981 chỉ bằng 20 – 30% của những năm 1976 - 1978) nhưng đã cố gắng chủ động khắc phục khó khăn, tự cân đối thêm bằng nhiều nguồn, bảo đảm duy trì và tiếp tục phát triển sản xuất. Giá trị tổng sản lượng 3 năm 1979 - 1981 của công nghiệp địa phương đạt 560 triệu đồng, tăng hơn 3 năm trước 160 triệu đồng. Đặc biệt từ khi có quyết định 25 cải tiến một số mặt trong cơ chế quản lý giá trị tổng sản lượng (kể cả cao su) tăng nhanh hơn trước: năm 1980 chỉ đạt 170 triệu, năm 1981 đạt 210 triệu, năm 1982 đạt

234 triệu. Đáng chú ý là tiểu, thủ công nghiệp phát triển khá (chiếm khoảng 60% giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương), đã thu hút được nhiều lao động, giải quyết thêm công ăn việc làm, tăng nhanh đáng kể sản phẩm phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng, nhất là ở thành phố Biên Hòa.

Năm 1982 sản xuất công nghiệp địa phương tiếp tục đạt cao hơn năm 1981 về giá trị và sản phẩm chủ yếu. Có nhiều đơn vị đạt nhiều chỉ tiêu trong kế hoạch và có nhiều mặt hàng mới.

Công nghiệp trung ương tại địa phương trong 3 năm qua cũng nằm trong hoàn cảnh khó khăn chung của đất nước, thiếu vật tư nguyên nhiên liệu, năng lượng, nhưng cũng đã nỗ lực vươn lên duy trì sản xuất. Giá trị sản lượng của các xí nghiệp công nghiệp trung ương bình quân hàng năm tăng được trên 6%. Năm 1982, tiếp tục chuyển biến khá hơn, giá trị sản lượng vượt kế hoạch hơn 4%, tăng hơn năm trước trên 6%. Phần lớn các xí nghiệp của khu công nghiệp Biên Hòa đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

e) Xây dựng cơ bản: 3 năm qua, chúng ta đã đầu tư 71 triệu đồng cho xây dựng cơ bản, trong đó tập trung cho khu vực sản xuất vật chất 57 triệu đồng để khôi phục, đầu tư thêm chiều sâu và xây dựng mới một số công trình theo cơ cấu kinh tế của tỉnh. Mặc dầu vốn đầu tư có ít hơn 5 triệu đồng so với 3 năm trước, nhưng sử dụng vốn được tập trung hơn, quản lý, chỉ đạo, điều phối có tiến bộ hơn.

Năm 1982, tuy các hệ thống giá Nhà nước đều nâng lên, giá thị trường tự do diễn biến phức tạp, nhưng nhờ tiếp tục vận dụng có kết quả phương châm "Trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm" nên chúng ta đã huy động được số vốn trong kế hoạch đạt trên 68 triệu đồng (trong đó trung ương đầu tư 28 triệu đồng, địa phương trên 38 triệu đồng) và đã thực hiện được 90% kế hoạch. Ngoài ra, các ngành và các địa phương đã huy động thêm vốn tự có và nhiều nguồn khác, cao hơn vốn đầu tư của ngân sách, chưa kể nhân dân và các cơ sở đóng góp xây dựng công trình thủy điện Trị An, các công trình công cộng ở phường, xã.

Nhìn chung, trong 4 năm 1979 - 1982, bằng nhiều nguồn vốn và vật tư, nguyên liệu, chúng ta đã xây dựng thêm và hoàn chỉnh hơn nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng năng lực sản xuất và phục vụ đời sống.

Xây dựng cơ bản của các công trình trung ương tại địa phương cũng tiếp tục tăng đầu tư hàng năm, trong đó tập trung cao cho việc khai hoang, mở rộng trồng mới cao su, xây dựng mới các nông trường mía, rau và nhà máy đường La Ngà v.v..

g) Giao thông vận tải và bưu điện: Trong điều kiện nhiên liệu, phụ tùng khó hơn trước, vốn đầu tư có hạn, công tác giao thông vận tải trong nhưng năm qua có nhiều cố gắng, vượt qua khó khăn, đáp ứng các yêu cầu quan trọng, cấp bách nhất của sản xuất, kinh doanh, quốc phòng và đời sống. Ba năm qua, khối lượng vận tải hàng hóa cho kế hoạch bằng lực lượng vận tải chủ lực quốc doanh và chuyên dùng của các ngành không ngừng tăng lên và chiếm tỷ trọng ngày càng cao, từ 61% (1978) lên 93% (1981). Nhờ chuyển hàng trăm xe chạy xăng sang chạy bằng than, khối lượng vận tải hành khách năm nào cũng đạt và vượt kế hoạch.

Các đơn vị công tư hợp doanh đã huy động thêm vốn để sửa chữa trung, đại tu xe, thực hiện khoán sửa chữa thường xuyên cho người lái, thợ phụ, khuyến khích vận tải hai chiều có thưởng. Ba năm qua, đã tiến hành có kết quả việc mở mang thêm đường mới, tu sửa, nâng cấp nhiều đoạn đường quan trọng, nhất là các tuyến đường ở các

khu vực kinh tế mới. Phong trào nhân dân cùng Nhà nước tham gia làm đường, đưa đường ở các tuyến huyện, xã có tiến bộ, như là Tân Phú, Châu Thành v.v...

Năm 1982, những tiến bộ trên trong hoạt động giao thông vận tải tiếp tục được phát huy trong điều kiện khó khăn hơn trước và đã tham gia tích cực vào việc chuẩn bị phục vụ xây dựng công trình thủy điện Trị An.

Công tác bưu điện có nhiều cố gắng phục vụ, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, kể cả khối lượng và chất lượng.

2. Hoạt động phân phối lưu thông đã cố gắng vượt lên trong việc nắm nguồn hàng phục vụ sản xuất, đời sống, xây dựng, xuất khẩu và cân đối ngân sách.

Công tác vật tư đã có nhiều cố gắng thực hiện kế hoạch tiếp nhận, cung ứng những mặt hàng do Nhà nước quản lý, đồng thời cố gắng mở rộng hoạt động, tìm nguồn vật tư bổ sung thêm ngoài kế hoạch, phục vụ cho các ngành, các hoạt động kinh tế - xã hội ở địa phương.

Năm 1982, công tác vật tư đã hoàn thành kế hoạch trước thời hạn.

Các mặt hoạt động trong lĩnh vực thu mua, nắm nguồn hàng lương thực, thực phẩm, nông sản, hải sản và hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu ở các cấp và trong các ngành đều có tiến bộ rõ, nhất là vai trò và nỗ lực vươn lên của cấp huyện và xã, phường. Một số chính sách cải tiến mới trong phương thức, giá cả thu mua đã tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà nước nắm được nhiều hàng, và tiếp tục kích thích sản xuất phát triển.

Từ năm 1979 đến 1982, kết quả huy động hàng hóa địa phương hằng năm tăng lên rõ rệt. Lương thực từ 26.000 lên 51.000 tấn quy lúa, thịt heo hơi từ 800 lên 3.500 tấn, cá bơn phục hồi được trên mức thu mua trước đây là 2.700 tấn, đậu nành từ 1.200 lên hơn 14.000 tấn, đậu phộng vỏ từ 160 lên 1.500 tấn, đường các loại từ 800 lên 5.800 tấn v.v..

Từ giữa năm 1982 đến nay về cơ bản thực hiện được việc thống nhất thu mua, phân phối, quản lý thị trường giá cả thịt heo trong toàn tỉnh.

Các mặt hàng công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp cũng tiếp tục đang được mức huy động, năm sau cao hơn năm trước.

Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa từng bước tiếp tục được mở rộng. Từ khi hình thành thương nghiệp cấp III và phân cấp cho huyện, doanh số tăng nhanh. Trong 3 năm 1979 – 1981, tổng giá trị mua các loại hàng địa phương đạt 600 triệu đồng. Hoạt động đại lý, ủy thác, tự doanh của khu vực hợp tác xã mua bán có tiến bộ, nhiều điển hình tốt. Một số chợ chính ở thành phố Biên Hòa và ở các thị trấn, huyện đã bắt đầu sắp xếp lại một bước.

Việc bảo đảm cung cấp lương thực thực phẩm cho khu vực cán bộ công nhân viên và lực lượng vũ trang, nhất là cung cấp hiện vật, có thuận lợi hơn trước. Những mặt hàng và nhóm hàng, trong diện cung cấp và bán lẻ tiêu dùng mà địa phương vươn lên tự giải quyết được tại chỗ đã góp phần giảm rõ khối lượng điều động của trung ương (cấp I) về địa phương. Ngược lại, giá trị và khối lượng giao nộp hàng cho trung ương mỗi năm đều tăng, từ 44 triệu (1979) lên 118 triệu đồng (1981). Năm 1982 đạt 207 triệu đồng (chưa kể hàng xuất khẩu).

Về xuất khẩu, chỉ tiêu hàng năm giao nộp theo kế hoạch trung ương trong 3 năm 1979 - 1981 đạt 173 triệu đồng, gấp hai lần so với 3 năm trước. Năm 1982, giao hàng xuất khẩu cho trung ương được 212 triệu đồng, đạt 104% kế hoạch. Từ năm 1981 đến

nay, địa phương bắt đầu mở rộng thêm xuất nhập khẩu ngoài kế hoạch. Nhờ đó, đã giải quyết được một phần và có hiệu quả những khó khăn, mất cân đối trong sản xuất và đời sống ở địa phương. Năm 1982, tiếp tục phát huy thêm khả năng này.

Công tác du lịch tiếp tục phát triển. Qua từng năm doanh số và lợi nhuận tăng lên đáng kể. Năm 1982, ngành đã hòan thành kế hoạch trước thời hạn 3 tháng.

Công tác tài chính đã có nhiều cố gắng, phấn đấu tăng thu cho ngân sách Nhà nước và cân bằng được thu chi của ngân sách địa phương. Từ năm 1979 đến nay, theo tỷ lệ điều tiết cũ, năm nào cũng có kết dư. Kết quả phân cấp ngân sách cho huyện và thành phố đã phát huy tác dụng tích cực rõ rệt. Đang thí điểm xây dựng và phân cấp thu chi cho xã, phường.

Các hoạt động của ngân hàng đã được mở rộng hơn trước nhằm đáp ứng cho nhu cầu kinh tế địa phương và các cơ sở kinh tế trung ương trên lãnh thổ. Trong tình hình giá cả có nhiều biến động phức tạp, nhất là từ năm 1981 đến nay, ngân hàng đã khắc phục nhiều khó khăn, bảo đảm yêu cầu về tiền mặt phục vụ được cho thu mua, cho lương, cho sản xuất, kinh doanh của địa phương và cho xây dựng cơ bản với khối lượng khá lớn của các đơn vị trung ương ở tỉnh.

Công tác giá cả (lập giá, duyệt giá, chỉ đạo thực hiện các hệ thống giá mới, quản lý, kiểm tra kỷ luật giá .v.v...) theo sự chỉ đạo của trung ương và phân cấp cho địa phương đã cố gắng thích ứng với yêu cầu của tình hình mới và có những đóng góp nhất định vào các hoạt động kinh tế ở địa phương.

3. Cùng với những thành tích và tiến bộ trên mặt trận kinh tế, các hoạt trong văn hóa xã hội đã có những bước phát triển trên một số lĩnh vực:

Sự nghiệp giáo dục đã được cải tạo theo hướng xã hội chủ nghĩa. Cả 4 ngành học: giáo dục nầm non (gồm cả nhà trẻ và mẫu giáo), bổ túc văn hóa, phổ thông, sư phạm đều có một bước phát triển về số lượng. Tổng số học sinh của năm học 1981 - 1982 tăng hơn 45.000 em so với năm học 1978 - 1979. Công tác đào tạo đội ngũ giáo viên có nhiều cố gắng, đã đáp ứng một phần quan trọng nhu cầu về giáo viên từ mẫu giáo đến phổ thông cơ sở. Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn về đời sống, đại bộ phận giáo viên đã nêu cao tinh thần tận tụy phục vụ sự nghiệp giáo dục.

Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em được quan tâm hơn trước.

Hệ thống các trường chuyên nghiệp và đào tạo công nhân được củng cố một bước, mỗi năm cung cấp cho các ngành, các địa phương một số công nhân kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ sơ cấp, trung cấp.

Hoạt động khoa học kỹ thuật đang có chuyển biến tích cực. Tỉnh ủy đã có nghị quyết về công tác khoa học và kỹ thuật trong những năm trước mắt. Một số đề tài nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng đang được tiến hành trong nông nghiệp, công nghiệp và một số ngành khác. Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đang nảy nở ở nhiều xí nghiép cơ sở. Công tác quản lý kỹ thuật được xúc tiến từng bước. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật ngày một tiến bộ và trưởng thành.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ có phát triển trên một số mặt. Nhiều huyện và cơ sở đã tích cực xây dựng thêm nhà hát, nhà văn hóa v.v.. theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Số người xem chiếu bóng và biểu diễn nghệ thuật hàng năm đều tăng. Phong trào văn nghệ quần chúng có phát triển. Hội văn học nghệ thuật của tỉnh được thành lập và đã hoạt động, bước đầu đạt một số kết quả. Công tác thông tin đại chúng có chú ý quan tâm. Mạng lưới phát thanh, truyền thanh ở tỉnh, huyện đã cố

gắng cải tiến công tác, phục vụ các nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của địa phương. Công tác báo chí và xuất bản đã cố gắng đưa hoạt động của mình phục vụ nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng.

Công tác thể dục, thể thao có một số tiến bộ. Một số nơi đã lôi cuốn được quần chúng tham gia. Phong trào được duy trì và một số cơ sở, xí nghiệp. Các hoạt động thể dục, thể thao phục vụ các ngày lễ lớn và sinh hoạt của quần chúng được chú trọng.

Sự nghiệp y tế được phát triển từng bước. Tính đến cuối năm 1981, cứ bình quân 10.000 người dân trong tỉnh có 20 giường bệnh và 2,8 y, bác sĩ so với năm 1976 là 16 giường bệnh và 1,2 y, bác sĩ. Các trạm y tế xã và trạm hộ sinh đã được xây dựng tương đối đều khắp. Công tác phòng chống một số dịch bệnh có đạt kết quả. Phong trào 5 dứt điểm, trong đó có phong trào vận động trồng, chế biến và sử dụng thuốc nam ở một số nơi đạt kết quả khá.

Công tác xác nhận liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng đã được xúc tiến khá hơn trước. Việc giải quyết chính sách hậu phương, thực hiện đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc thương, bệnh binh, giúp đỡ quân nhân phục viên và chuyển ngành có một số tiến bộ. Sau khi hoàn thành 5 nghĩa trang liệt sĩ tỉnh và huyện, hiện đang tiến hành xây dựng 3 nghĩa trang liệt sĩ ở các huyện còn lại.

4. An ninh chính trị căn bản được giữ vững, công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương có tiến bộ.

Trên cơ sở phát động quần chúng sử dụng sức mạnh tổng hợp, lấy lực lượng quân sự và công an làm nòng cốt, chúng ta đã truy quét, bóc gỡ và làm tan rã hàng trăm tổ chức phản động có vũ trang hoặc không có vũ trang; đã diệt, bắt sống, gọi hàng hàng nghìn tên và đã thu được một số vũ khí, khí tài. Chúng ta đã phát hiện và truy bắt một số tên trong bọn tình báo viên, cơ sở CIA và bọn làm gián điệp cho nước ngoài; đã tiến hành chống vượt biên và bọn xâm nhập từ bên ngoài vào; đã đấu tranh chống bọn phản động đội lốt tôn giáo, cảnh cáo, răn đe và bắt giữ một số tên phản động có hành động phá hoại. Ngoài ra, đã phát hiện một số khá lớn các vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, điều tra, làm rõ một số vụ, bắt một số đối tượng, thu hồi một số vật tư, tài sản đáng kể cho Nhà nước. Công tác trừng trị bọn tội phạm hình sự, giáo dục và cải tạo bọn lưu manh, bọn phá rối trật tự và bọn làm nghề bất chính cũng đạt được những kết quả nhất định.

Trong 3 năm qua, lực lượng công an nhân dân và quân sự địa phương đã trưởng thành hơn trước, đã đóng góp quan trọng trong công tác củng cố an ninh quốc phòng và trong chiến đấu làm tốt nghĩa vụ quốc tế. Cùng với nhiệm vụ chiến đấu, việc xây dựng lực lượng quân sự địa phương, công an nhân dân, đặc biệt là lực lượng dân quân tự vệ, công an xã, ấp đã được hình thành đều khắp. Các mặt công tác chính trị, hậu cần trong lực lượng quân sự địa phương và công an cũng có những tiến bộ.

5. Những kết quả, thành tích và tiến bộ trong các lĩnh vực nói trên gắn liền với công tác xây dựng huyện, tăng cường và củng cố cơ sở.

Trong mấy năm qua, thành phố Biên Hòa và các huyện đều tập trung cố gắng, cải tiến chỉ đạo, có thêm kinh nghiệm về các mặt quản lý kinh tế - văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Một số mặt công tác mà tỉnh đã phân cấp cho thành phố và các huyện bắt đầu phát huy tác dụng tích cực. Cơ cấu kinh tế mới trên địa bàn thành phố và huyện được hình thành từng bước và ngày càng rõ nét. Bộ máy tổ chức và công

tác quản lý các mặt ở thành phố và các huyện từng bước được củng cố và tăng cường. Tình hình kinh tế - xã hội ở thành phố và các huyện đều có những tiến bộ, nhất là trên các mặt đẩy mạnh sản xuất, tập trung thu mua, tăng thu ngân sách v.v.. đã thực hiện nghĩa vụ đóng góp ngày càng nhiều đối với tỉnh và cả nước, đồng thời tạo thêm khả năng chăm lo về vật chất, tinh thần cho nhân dân địa phương.

Về huyện điểm Long Thành, trong thời gian gần đây, do cố gắng của bản thân, được quan tâm chỉ đạo và tăng cường thêm cán bộ của tỉnh, nên tiếp tục có những chuyển biến tốt. Trong năm 1981, phong trào tập thể hóa ở huyện được củng cố hơn trước. Công tác huy động lương thực, nghĩa vụ quân sự cũng đã có những tiến bộ mới. Tuy nhiên, tồn tại vẫn còn nhiều, nhất là chưa phát huy cao tính chủ động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm theo cơ chế và chính sách mới. Chưa tập trung tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, chưa tham gia đẩy mạnh xuất nhập khẩu, chưa tích cực vận dụng phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, do đó chuyển biến còn chậm. Bộ máy ở huyện và nhiều tổ chức ở cơ sở vẫn còn yếu.

Nhìn chung toàn tỉnh, việc củng cố phường, xã cũng đã đạt được những kết quả nhất định. Bộ máy của nhiều phường, xã được kiện toàn, củng cố một bước, đã đi vào quản lý kinh tế xã hội ngày càng tốt hơn. Nhiều đơn vị sản xuất, kinh doanh đạt được những tiến bộ rõ rệt, bước đầu phát huy tính tích cực, sáng tạo ở cơ sở, nhất là sau khi có nghị quyết hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương và quyết định 25, 26 CP của Hội đồng Chính phủ. Tuy nhiên, rất nhiều vấn đề đặt ra đối với cơ sở trước yêu cầu của tình hình mới cần phải tiếp tục tập trung nghiên cứu và giải quyết cho có kết quả có hiệu lực hơn.

Hơn 3 năm qua, trong bối cảnh của tình hình đất nước đang gặp những khó khăn to lớn, trước tình hình bọn bành trướng Bắc Kinh phát động hai cuộc chiến tranh xâm lấn hai tuyến biên giới của tổ quốc ta, các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã nêu cao truyền thống bất khuất, ý chí tự lực, tự cường, phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, quyết tâm vượt qua khó khăn, trở ngại, nên đã thu được những thành tích nhất định và có ý nghĩa trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, và củng cố hệ thống chuyên chính vô sản.

Sau hơn 3 năm bền bỉ phấn đấu, những kết quả, thành tích đạt được là đáng phấn khởi. Kết quả thực hiện hầu hết các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đều tăng khá so với 3 năm trước. Ngay trong năm 1981 - 1982 là những năm mà giá cả thị trường có nhiều biến động, cơ chế quản lý có một bước thay đổi, các điều kiện bảo đảm cho công tác kế hoạch hóa và cho sản xuất, xây dựng, như vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng v.v... đều ít hơn so với các năm trước, nhưng chúng ta cũng đã chủ động tìm mọi cách khắc phục, giảm bớt mất cân đối, nên đã đạt kết quả và tiến bộ nhiều mặt đáng kể như đã nói trên.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra, là kết quả của cả quá trình nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thử thách mới trong hơn 3 năm qua của toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Không có gì vui mừng hơn khi nhìn thấy sản xuất có phát triển. Các hoạt động trong lĩnh vực phân phối lưu thông và văn hóa-xã hội khác, cũng nhờ đó mà được đẩy mạnh, có kết quả hơn. Và càng phấn khởi hơn khi thấy xuất hiện nhiều nhân tố mới, tích cực trên địa bàn từng huyện, trong các ngành, các xí nghiệp, các tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và nhiều đơn vị cơ sở khác, đã đổi mới cách làm ăn,

chuyển sản xuất đúng hướng, áp dụng được tiến bộ kỹ thuật, làm ra được nhiều của cải và sản phẩm mới; sản xuất kinh doanh được hạch toán đúng đắn và có lãi; chủ động sáng tạo tự giải quyết được khó khăn, thực hiện có kết quả phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, đóng góp ngày càng nhiều hàng hóa và các khoản thu cho ngân sách v.v... Những chuyển biến đó, tuy chỉ mới mở đầu, nhưng đã chỉ rõ hướng đi, cách giải quyết khó khăn, triển vọng, phát huy tiềm năng và khả năng hiện thực, tạo ra sức thuyết phục, niềm tin và động lực mới trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội lớn lao hơn trong những năm sắp tới.

Nguyên nhân chủ yếu của những tiến bộ và thành tích đã đạt được trong hơn 3 năm qua bắt nguồn từ đường lối đúng đắn của nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, được tổng kết, nâng cao, rút kinh nghiệm và cụ thể hóa thêm tại Đại hội Đảng lần thứ V. Đồng thời, có bước cải tiến nhiều chính sách, chủ trương kinh tế mới trong chỉ đạo của Nhà nước từ khi có nghị quyết 6 đến nay, Đảng bộ ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, chấp hành vận dụng kịp thời và tìm cách tổ chức thực hiện vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, với tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân nhân dân. Cán bộ các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng, đảng viên, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, công an nhân dân và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng, tự lực, tự cường, chịu đựng thiếu thốn, khắc phục khó khăn, trước những thử thách mới trong lao động, công tác và chiến đấu để thực hiện nhiệm vụ của mình. Trên các lĩnh vực kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng, nhân dân lao động, nhất là đội ngũ quần chúng trung kiên của Đảng, đã gắn bó với Đảng, tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách mới, từng bước phát huy được vai trò làm chủ tập thể của mình trong xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nhân dịp này, Đảng bộ chúng ta chân thành bày tỏ lòng tin tuyệt đối với trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến trong việc lãnh đạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu của chúng ta. Chúng ta nhiệt liệt biểu dương mọi cố gắng sáng tạo, bền bỉ khắc phục khó khăn, ra sức hoàn thành mọi nhiệm vụ lao động, công tác, chiến đấu của nhân dân, cán bộ, đảng viên, các lực lượng vũ trang trong tỉnh.

B. Đi đôi với đánh giá đúng mức kết quả và tiến bộ đã đạt được chúng ta phải nghiêm túc nhìn rõ những tồn tại trong thực trạng kinh tế - xã hội hiện nay để tiếp tục tập trung giải quyết những khuyết điểm, thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mặt cải tạo, xây dựng và quản lý trong bước đi ban đầu để kịp thời sửa chữa, tiếp tục đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội tiến lên vững chắc hơn trong những năm tới.

Tồn tại rõ nhất hiện nay là tình hình kinh tế xã hội đang còn nhiều khó khăn, có mặt gay gắt. Sản xuất còn thấp, chưa ổn định. Thị trường còn chứa đựng nhiều yếu tố đầu cơ và phá hoại kinh tế. Công tác cải tạo còn buông lỏng. Quản lý kém hiệu lực, pháp chế chưa được tôn trọng. Tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội chưa được ngăn chặn. Trật tự an toàn xã hội còn rất phức tạp. Đời sống của công nhân, cán bộ, nhất là khu vực hành chính sự nghiệp và của bộ đội, công an còn rất khó khăn.

1- Trước hết là sản xuất tuy có bước phát triển, nhưng còn nhiều khó khăn, chưa ổn định. Kết quả và hiệu quả của sản xuất còn thấp, chưa tương xứng với điều kiện và khả năng có thể khai thác được. Cơ cấu kinh tế mới bước đầu được xây dựng nhưng chưa hợp lý.

Sản xuất nông nghiệp chưa được tập trung thâm canh đúng mức. Năng suất lúa tăng rất chậm. Năng suất các loại cây trồng khác chỉ xoay quanh năng suất trung bình nhiều năm nay. Tiến bộ kỹ thuật đưa vào sản xuất chưa đủ điều kiện phát huy và chưa mở ra được trên diện rộng. Giống lúa mới chưa phát huy được đầy đủ ưu thế, và thoái hóa nhanh. Giống gia súc, nhất là heo, giảm phẩm cấp. Cây lương thực chậm thâm canh, các cây chuyên canh khác khó mở nhanh diện tích. Ruộng đất ở nông thôn vừa nắm không chắc, vừa chưa tổ chức tận dụng tốt diện tích, chưa bố trí điều hòa hợp lý giữa lao động và đất đai, giữa nơi thừa và thiếu. Điều chỉnh ruộng đất chưa thực hiện xong. Quy hoạch và kế hoạch sản xuất chưa đưa vào nền nếp, còn bị động. Các điều kiện vật chất phục vụ cho sản xuất vừa thiếu. vừa chưa phát huy được hiệu quả đúng mức với số hiện có, như thủy lợi, vật tư nông nghiệp, máy kéo giống mới v.v.. .

Yếu tố hạn chế chủ yếu làm cho những tồn tại trên kéo dài chậm khắc phục là do chưa khẩn trương hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Sản xuất tiếp tục còn ở dạng cá thể thì không những hạn chế đến các mặt quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, áp dụng tiến bộ kỹ thuật v.v... Mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến nhiều mặt khác, trong quản lý kinh tế và xã hội nói chung, nhất là trong lĩnh vực phân phối lưu thông, thực hiện các chính sách kinh tế mới. Mặt khác cũng hạn chế đến việc xây dựng nông thôn mới.

Công tác cải tạo nông nghiệp trong mấy năm gần đây chưa được sự chỉ đạo tập trung đúng mức. Nhận thức tư tưởng đối với công tác này chưa đầy đủ. Quan điểm đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trong cán bộ, đảng viên còn mơ hồ. Một số thiếu gương mẫu và thiếu nhiệt tình trong công tác cải tạo nông nghiệp. Trách nhiệm của các ngành đối với phong trào tập thể còn chưa chủ động, tích cực và chưa đồng bộ. Cán bộ chuyên trách ở các cấp không ổn định, không được tăng cường. Kinh nghiệm của các điển hình tốt chưa thường xuyên đúc kết và phổ biến kịp thời chưa có biện pháp tích cực nhân nhanh điển hình.

Nguyên nhân hạn chế khác còn do việc đầu tư các yếu tố vật chất cho sản xuất nông nghiệp còn quá ít, chưa đáp ứng yêu cầu đề áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nhất là phân bón, thuốc trừ sâu cho cây trồng, thức ăn và thuốc thú y cho gia súc.

Các nông trường quốc doanh và trạm, trại, công ty v.v.. Trong nông nghiệp còn để khó khăn kéo dài, chưa phát huy hiệu quả đầu tư trong sản xuất kinh doanh, chưa phát huy được vai trò và tác động tích cực của quốc doanh. Công tác quản lý kém là nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên. Trong lâm nghiệp, việc trồng mới, chăm sóc, tu bổ, cải tạo không kịp với tốc độ khai thác. Công tác tổ chức bảo vệ vốn rừng hiện còn chưa huy động được sức mạnh tổng hợp và chưa được tăng cường tại chỗ. Nạn phá rừng, cháy rừng còn diễn ra phổ biến. Công tác kiểm lâm nhân dân tuy có cố gắng, nhưng hoạt động kém hiệu lực và còn nhiều tiêu cực. Mặt khác, trong khai thác còn để lâm sản thất thoát và thiệt hại khá lớn. Trong sử dụng, cũng chưa tận dụng lâm sản thật đúng mức và hợp lý. Trong phân phối, chưa bảo đảm được yêu cầu tập trung cho kế hoạch, ưu tiên cho quốc doanh, chưa dành tỷ lệ thích đáng phục vụ tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh. Những tồn tại nói trên đã để quá kéo dài và chậm khắc phục. Nếu cứ để tiếp diễn mãi theo chiều hướng tiêu cực này, thì chẳng những lâm nghiệp không còn là một thế mạnh nữa, mà hậu quả cũng sẽ không lường hết được về kinh tế, xã hội, quốc phòng.

Nguyên nhân của tình hình trên là do các mặt cải tạo, tổ chức lại sản xuất và quản lý đối với lâm nghiệp còn nhiều khâu bị buông lỏng. Chủ trương giao đất, giao rừng cho huyện từ lâu, chưa được khẩn trương thực hiện. Lực lượng quốc doanh phát triển chậm. Công tác cải tạo trong lâm nghiệp trong mấy năm qua bị coi nhẹ. Trong các khâu khai thác và chế biến, phổ biến là sử dụng thầu và tư nhân, không tiếp tục giáo dục, cải tạo và tăng cường quản lý. Tổ chức sản xuất, kinh doanh của các đơn vị quốc doanh và công tư hợp doanh trong ngành lâm nghiệp còn nhiều chồng chéo, sơ hở, tùy tiện và tiêu cực.

Hoạt động của ngành thủy hải sản tuy 2 năm gần đây đã đạt kết quả tích cực, đúng hướng, có hiệu quả, nhưng chưa được tăng cường, củng cố đúng mức để phát huy nhanh tiềm năng của nó. Tiến độ mở rộng còn chậm. Qui mô còn nhỏ. Quốc doanh còn yếu. Ngư dân cá thể còn phổ biến, chưa cải tạo và tổ chức lại sản xuất. Thị trường chưa được tập trung quản lý tốt. Tỷ lệ huy động được so với sản lượng hàng hóa còn quá thấp. Chế biến và phục vụ cho tiêu dùng chưa đáp ứng được yêu cầu cơ bản, tối thiểu, kể cả cho khu vực Nhà nước và nhân dân.

Trong công nghiệp, tồn tại còn nhiều. Nguồn vật tư, nguyên nhiên liệu, phụ tùng chưa chủ động vững chắc. Sản xuất còn tản mạn, chưa tổ chức lại được theo nhóm sản phẩm. Chưa tập trung phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, hải sản với khối lượng đủ tiêu dùng trong địa phương và trao đổi kinh tế. Chất lượng của nhiều sản phẩm còn thấp. Định mức chưa được xây dựng đầy đủ. Giá thành còn cao. Năng suất lao động tăng chậm. Công suất chưa phát huy hết. Sản phẩm làm ra chưa quản lý được chặt. Ngược lại, có loại không tiêu thụ kịp thời. Hợp đồng sản xuất - tiêu thụ chưa thành chế độ. Quản lý hạch toán ở nhiều đơn vị chưa thực hiện được đầy đủ. Các khoản nộp cho ngân sách không kịp thời, không đủ, còn chiếm dụng đối với đại bộ phận tiểu thủ công nghiệp, kể cả tập thể và cá thể chưa có đầu tư thích đáng, chưa có chính sách cụ thể và do đó chưa quản lý chặt chẽ được sản xuất, sản phẩm và tài chính. Công tác cải tạo trong công nghiệp không được tiếp tục sau khi sơ kết đợt I. Công nghiệp huyện phát triển chậm, chưa gắn chặt với các ngành khác để hình thành cơ cấu rõ rệt và hợp lý. Quản lý theo hệ thống ngành giữa công nghiệp tỉnh và huyện còn rời rạc. Giữa công nghiệp địa phương và công nghiệp trung ương trên lãnh thổ chưa có hình thức phối hợp, liên kết sản xuất, kinh doanh hợp lý. Nhìn chung, sản xuất công nghiệp chậm được quy hoạch và chưa được quan tâm sắp xếp lại sản xuất.

Trong xây dựng cơ bản, nhiều tồn tại, khuyết, nhược điểm chậm được khắc phục. Tiến độ thi công thường không đạt, chậm đưa công trình vào sử dụng. Chi tăng vượt dự toán, nhưng khối lượng thường không tăng, chất lượng vẫn chưa đảm bảo. Thiết bị không kịp cho xây lắp. Nguyên nhân của tình trạng trên là do vật tư không chủ động trước, thiếu đồng bộ. Lực lượng xây lắp quốc doanh đã ít, ngày càng giảm chỉ đảm nhiệm được 30% kế hoạch xây dựng cơ bản của tỉnh. Quản lý điều hành yếu kém, lỏng lẻo, nhiều tiêu cực. Định mức vật tư, kỷ luật về tài chính chưa chấp hành nghiêm túc. Trách nhiệm thi công chưa gắn liền với trách nhiệm phải chịu về tiến độ hoàn vốn và phát huy hiệu quả kịp thời của công trình giữa đơn vị thi công và đơn vị sản xuất.

Công tác quản lý công trình công cộng còn chồng chéo, lỏng lẻo, chưa phân cấp rõ ràng. Công tác quy hoạch thành phố và các thị trấn làm chậm. Trong vận tải đầu xe

giảm nhanh. Tiêu hao nhiên liệu quá định mức. Vận tải 2 chiều chưa phổ biến. Hợp đồng vận tải không kịp thời giữa chủ hàng với đơn vị vận tải. Có lúc phương tiện nằm không, có lúc không đủ đáp ứng yêu cầu. Chưa tận dụng tốt lực lượng vận tải nhẹ, vận tải thủy, vận tải thô sơ để phục vụ cho yêu cầu của kế hoạch, nhất là trên địa bàn huyện, thành phố. Tiêu cực trong ngành chưa khắc phục được có kết quả. Nguyên nhân của tình hình trên, có mặt do khó khăn khách quan, nhưng chủ yếu do công tác quản lý phương tiện, nhiên liệu, đội ngũ chưa tốt, nhất là ở đơn vị cơ sở.

Về giao thông chất lượng đường mới thấp, xuống cấp nhanh. Sử dụng và quản lý nhà thầu thiếu chặt chẽ. Mặt khác, vốn và vật tư còn tiếp tục khó khăn, chưa giải quyết được .

Công tác bưu điện còn nhiều thiếu sót và khuyết điểm. Tài liệu, công văn, thư từ chuyển chậm, còn thất lạc. Điện thoại chưa bảo đảm thông suốt. Tình trạng mất mát bưu kiện, bưu phẩm và thiết bị bưu điện còn phổ biến, có vụ rất nghiêm trọng.

2. Hoạt động phân phối lưu thông chưa tác động tích cực đối với sản xuất, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ đời sống. Cải tạo và quản lý thị trường còn lơi lỏng, chưa kiên quyết và không đồng bộ.

Nhìn chung, diễn biến thực tiễn trên mặt trận phân phối lưu thông ở địa phương còn nhiều phức tạp. Sản xuất cá thể còn phổ biến. Tư thương tiếp tục phát triển hơn trước. Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp còn bị buông lơi chậm chạp. Quản lý sản xuất ngay trong khu vực quốc doanh còn lỏng lẻo. Nhà nước chưa nắm được đại bộ phận hàng thiết yếu: Giá cả biến động tăng liên tục. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa chi phối được thị trường. Tiền hàng thường xuyên mất cân đối. Tiền mặt bội chi ngày càng lớn. Tiêu cực trong xã hội và ngoài xã hội chưa ngăn chặn có hiệu quả.

Trong khi đó, một số mặt hoạt động phân phối lưu thông, ngay trong thị trường có tổ chức vẫn còn nhiều lệch lạc, chạy theo lợi nhuận và cơ chế thị trường tự do, hữu khuynh, cục bộ bản vị, tạo thêm nhiều sơ hở và tiêu cực làm cho các tồn tại trên càng phức tạp thêm.

Mấy năm qua, các ngành phân phối lưu thông tuy có vươn lên, nhưng chưa thực hiện được việc mua tận gốc sản xuất và bán tận tay cho người tiêu dùng. Ngay việc cung ứng vật tư cho sản xuất nông nghiệp và một số hàng tiêu dùng, phần lớn chỉ xuống đến huyện, vẫn chưa đến được tận xã, ấp. Hệ thống các hợp tác xã mua bán từ lâu đã hình thành rộng khắp, nhưng lại chưa được củng cố, giúp đỡ và phát huy đúng mức. Trong khi đó, thương nghiệp quốc doanh vẫn mua và bán qua tay tư thương còn phổ biến. Quan hệ giữa các ngành phân phối lưu thông với hợp tác xã mua bán chưa thật sự được cải thiện, vô tư trong cùng một hệ thống thương nghiệp thống nhất xã hội chủ nghĩa, để hợp sức làm chủ thị trường, đấu tranh có hiệu quả với tư thương và nạn đầu cơ, tích trữ, nâng giá, phá giá. Chưa kiên quyết truy tìm tận gốc và trừng trị đích đáng bọn gian thương, đầu cơ, phá rối thị trường. Đồng thời, cũng chưa làm đến nơi, đến chốn việc sắp xếp tổ chức lại những người buôn bán nhỏ. Đăng ký kinh doanh công thương nghiệp tiến hành còn trì trệ và kéo dài, ngay đối với các hộ đã cho phép hành nghề, Nhà nước vẫn chưa quản lý được chặt chẽ theo đúng các thể lệ về tài chính tiền tệ hiện hành.

Đối với các đơn vị sản xuất quốc doanh và tập thể, các cơ quan thương nghiệp, vật tư, xuất khẩu chưa chủ động thực hiện được việc ký kết hợp đồng tiêu thụ để nắm

nguồn hàng của các phần kế hoạch. Đối với diện sản xuất cá thể, nhất là trong nông nghiệp, ngư nghiệp các ngành và các địa phương chưa kiên trì tổ chức đến nơi đến chốn việc thực hiện chính sách hợp đồng kinh tế hai chiều để nắm được đại bộ phận sản phẩm hàng hóa. Càng nặng mua bán theo giá thoả thuận, càng không ổn định được giá cả và không cải tạo, quản lý được thị trường, càng bị hạn chế về khả năng tiền mặt để thu mua.

Do chưa thấu suốt quan điểm phục vụ và chưa nắm vững chức năng chủ yếu của mình, vì vậy còn để phát sinh nhiều hoạt động tranh mua, tranh bán, nâng giá, đẩy giá, chạy theo mặt hàng có nhiều lời, ghìm hàng, giữ hàng để bán ra những nơi, những lúc được giá cao làm ảnh hưởng đến việc chăm lo đời sống của nhân dân lao động và cán bộ công nhân viên chức.

Công tác đấu tranh chống tiêu cực và quản lý cán bộ, công nhân viên trong các ngành phân phối lưu thông làm chưa tốt. Hiện tượng cửa quyền, tham ô bị tư thương lợi dụng còn nhiều.

Đối với hoạt động xuất, nhập khẩu, công tác quản lý chưa tập trung được vào một mối. Ngành chủ quản chưa chủ động vươn lên đảm trách được nhiệm vụ trước yêu cầu quản lý thống nhất xuất, nhập này. Mặt khác chúng ta cũng chưa cụ thể hoá kịp thời các chính sách đầu tư, giúp đỡ, khuyến khích khai thác, đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng tập trung cho xuất khẩu của các ngành và ở các địa phương. Ngay những mặt hàngc ó ưu thế địa phương cũng chưa tập trung tổ chức lại sản xuất, đầu tư thêm chiều sâu để phát triển nhanh với khối lượng lớn.

Trong công tác tài chính, còn để thất thu nhiều, nhất là thuế công thương nghiệp. Nguồn thu từ kinh tế quốc doanh cũng không đảm bảo kịp thời và nghiêm chỉnh. Tỉnh trạng chiếm dụng vốn còn khá phổ biến. Ngược lại, nhiều trường hợp ngân sách cũng chưa đảm bảo đầy đủ, kịp thời vốn cho các đơn vị sản xuất kinh doanh. Đáng quan tâm là còn nhiều đơn vị, địa phương còn để thu chi nằm ngoài ngân sách không ít.

Ngân hàng và tài chính mới cố gắng thực hiện trách nhiệm phục vụ, chưa vươn lên thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát tài chính – tiền tệ đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh. Đó cũng là nguyên nhân quan trọng, vừa làm cho tài chính và tền tệ không tập trung đúng mức vào tay Nhà nước, vừa không kịp thời ngăn chặn tình trạng không nghiêm chỉnh chấp hành chính sách tài chính – tiền tệ của các đơn vị qucố doanh, tập tểh và tư nhân đối với Nhà nước.

Đối với gái cả, một mặt việc chỉ đạo định giá của chúng ta chưa kịp thời hoặc chưa sát, mặt khác, nhiều ngành, nhiều địa phương và đơn vị còn tùy tiện nâng giá mua, nâng giá bán vượt mức, vượt khung đã có quy định. Công tác kiểm tra, kiểm soát giá cả chưa được coi trọng.

3. Các hoạt động văn hóa - xã hội chưa được phối hợp và chỉ đạo chặt chẽ để phục vụ sự nghiệp xây dựng con người mới, nền văn hóa mới.

Chất lượng giáo dục, nhất là giáo dục phổ thông giảm sút một cách đáng lo ngại. Giáo dục đạo đức và phong cách xã hội chủ nghĩa trong nhà trường còn rất yếu. Các hoạt động kết hợp học tập với lao động sản xuất và công tác xã hội chưa được chú trọng. Tình trạng nhiều giáo viên bỏ giờ, bỏ lớp, không chuẩn bị đầy đủ giáo án chưa được khắc phục tốt. Công tác bổ túc văn hóa chưa được quan tâm đúng mức. Cơ sở vật chất, trường lớp, bàn ghế ở một số nơi thiếu nghiêm trọng và chưa được bảo quản

tốt. Đời sống của thầy, cô giáo còn gặp nhiều khó khăn. Những tồn tại trên có tác động nhất định đến chất lượng giáo dục.

Cho đến nay chúng ta vẫn chưa quy hoạch xong mạng lưới các trường chuyên nghiệp. Đồng thời, cũng chưa kết hợp tốt giữa các mặt: chiêu sinh, đào tạo và phân phối sử dụng. Công tác quản lý và chất lượng giảng dạy trong một số trường chuyên nghiệp còn yếu.

Các hoạt động văn hóa có tăng về số lượng, nhưng diện hoạt động không rộng, nhất là ở các vùng nông thôn, vùng căn cứ cũ, vùng tôn giáo và dân tộc. Tác dụng động viên và giáo dục của văn hóa mới còn hạn chế, nội dung chưa sâu, chưa gắn chặt với nhiệm vụ chính trị, với xây dựng con người mới, chế độ mới xã hội chủ nghĩa, và thiếu tính liên tục. Giáo dục, xây dựng và phát huy quyền thông còn xem nhẹ. Công tác bài trừ văn hóa đồi trụy, phản động làm chưa triệt để liên tục. Các đoàn văn nghệ chuyên nghiệp chưa được củng cố. Chất lượng hoạt động và phục vụ còn thấp. Chưa thống nhất được công tác quản lý các hoạt động văn hóa. Một số tư nhân vẫn kinh doanh văn hóa trái phép, chưa quan tâm đầy đủ đến công tác xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa.

Phong trào thể dục thể thao chưa gắn với nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng con người mới. Thể dục thể thao chưa thành một phong trào quần chúng trong các đơn vị xí nghiệp, đường phố, nông thôn. Công tác huấn luyện, quản lý còn thiếu sót, nên hạn chế đến việc nâng dần trình độ các đội đại biểu. Chưa tận dụng tốt những điều kiện tự nhiên và những cơ sở sẵn có để phát triển các môn thể dục, thể thao thích hợp.

Về y tế, công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch chưa được qua tâm đầy đủ. Vệ sinh môi trường ở thành phố, khu công nghiệp, vùng biển chưa có chuyển biến đáng kể. Dịch hạch hàng năm vẫn còn phát sinh và có năm lan rộng. Tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét còn khá cao. Chưa gắn được các khâu nuôi trồng, chế biến và sử dụng trong công tác y dược học dân tộc. Việc quản lý thuốc chưa tốt. Thuốc còn để mất mát và phân phối không đúng đối tượng, làm cho tình hình thiếu thuốc căng thẳng thêm. Chất lượng khám bệnh và chữa bệnh giảm sút. Trách nhiệm và thái độ phục vụ của một số cán bộ y tế trong một số cơ sở điều trị chưa tốt. Công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch triển khai chưa rộng. Việc tuyên truyền vận động và thực hiện các biện pháp chưa tiến hành thường xuyên, liên tục.

Chưa thống nhất quản lý và chỉ đạo đối với công tác khoa học - kỹ thuật. Các đề tài nghiên cứu còn tản mạn trong từng ngành, chưa thật tập trung vào những vấn đề thật cấp thiết của sản xuất và đời sống. Công tác quản lý, bồi dưỡng, phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật còn thiếu sót. Tổ chức chuyên trách công tác khoa học - kỹ thuật còn yếu, chậm được tăng cường.

Công tác thương binh và xã hội còn những mặt chậm trễ và thiếu sót trong việc xác nhận và giải quyết chính sách cho các đối tượng. Chưa phát động được một phong trào quần chúng sâu rộng chăm sóc thương binh và gia đình liệt sĩ. Việc thi hành chính sách hậu phương còn nhiều thiếu sót. Chưa phối hợp tốt với các ngành để tiến hành các mặt công tác thương binh và xã hội. Chậm triển khai thực hiện việc phân cấp về công tác thương binh, xã hội.

4. Công tác an ninh, quốc phòng, bảo đảm trật tự và an toàn xã hội chưa đáp ứng đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới.

Công tác giáo dục, rèn luyện và tổ chức quản lý lực lượng quân sự địa phương và công an nhân dân địa phương chưa được tăng cường đúng mức. Trình độ giác ngộ, khả năng sẵn sàng chiến đấu và ý thức tổ chức kỷ luật của các lực lượng chưa tương xứng với yêu cầu. Một số cán bộ, chiến sĩ giảm sút nhiệt tình cách mạng và ý chí chiến đấu. Có một số thoái hóa, biến chất, xâm phạm đến tự do và tài sản của nhân dân làm ảnh hưởng đến quan hệ quân dân, làm giảm uy tín của Đảng trong quần chúng.

Chúng ta chưa làm quán triệt kịp thời, đầy đủ và sâu sắc âm mưu và hành động của bọn bành trướng, bá quyền Trung Quốc cấu kết với đế quốc Mỹ tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt đánh phá cách mạng nước ta.

Vấn đề xây dựng quốc phòng toàn dân và xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân chưa được quán triệt sâu sắc trong nhân dân và trong các lực lượng vũ trang. Việc giáo dục nghĩa vụ đối với đất nước, đối với việc đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược làm chưa tốt. Chỉ tiêu tuyển quân của tỉnh ta không năm nào đạt kế hoạch, số đào ngũ lại nhiều. Còn có một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu, không cho con em làm nghĩa vụ quân sự.

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các loại tội phạm vẫn còn xảy ra nhiều. Các hiện tượng tiêu cực: ăn cắp, hối lộ, móc ngoặc, làm ăn phi pháp trong cơ quan Nhà nước và ngoài xã hội chưa được ngăn chặn và đẩy lùi. Trong hoạt động chưa chú ý đúng mức đến công tác giáo dục, phòng chống, mà còn nặng về đối phó giải quyết các vụ việc đã xảy ra. Công tác xử lý chậm, bộ máy phụ trách điều tra, xét hỏi quá yếu, nên để các vụ việc kéo dài, không xét xử kịp hoặc không xét xử được. Công tác nội chính còn nhiều việc chưa theo khuôn khổ của pháp luật. Mặt khác các ngành, các cấp, các đơn vị chưa đặt công tác kiểm tra, thanh tra là trách nhiệm thiết thực trực tiếp của bản thân nên chưa tăng cường tổ chức thực hiện trước hết và thường xuyên thành nền nếp tại ngành mình, cấp mình và đơn vị mình.

5. Công tác xây dựng và củng cố huyện, củng cố và tăng cường cơ sở tiến hành còn chậm chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Bộ máy của thành phố và cấp huyện tuy có được củng cố và kiện toàn hơn trước, nhưng còn yếu chưa đáp ứng được yêu cầu trước mắt về quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn mình đảm trách.

Những tiến bộ vừa qua trong việc xây dựng và tăng cường cấp huyện mới chỉ là bước đầu, chưa đều và chưa có cơ sở vững chắc.

Những tồn tại so với yêu cầu của Nghị quyết và chỉ thị 33 còn phải tiếp tục tập trung giải quyết khẩn trương hơn.

Tồn tại lớn hiện nay là chưa xây dựng xong quy hoạch tổng thể của từng huyện và quy hoạch ngành, do đó chưa có cơ sở hình thành những phương án kinh tế - xã hội, những ý đồ làm ăn có căn cứ, và chưa định rõ những bước đi trong việc sắp xếp lại sản xuất, mở rộng và phân công lại lao động, định rõ những ngành nghề cần sớm tập trung đầu tư để có hiệu quả nhanh.

Hiện nay nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, ngư nghiệp và cả thương nghiệp còn phổ biến là cá thể, những đơn vị kinh tế cơ sở của chủ nghĩa xã hội là quốc doanh, hợp tác xã trên địa bàn huyện còn quá ít, chưa có vị trí đáng kể và chưa chiếm tỷ trọng bao nhiêu trong giá trị tổng sản lượng ở địa phương, vì vậy, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện điều đáng quan tâm trước nhất, cấp bách nhất là phải nhanh

chóng hoàn thành cải tạo nông nghiệp, công, thương nghiệp, tổ chức, xây dựng ngày càng nhều thêm đơn vị sản xuất quốc doanh và tập thể ở mỗi huyện. Bộ máy tổ chức và quy hoạch đào tạo cán bộ cũng hướng theo yêu cầu tăng cường năng lực quản lý kịp thời, đầy đủ và đồng bộ cho các đơn vị kinh tế cơ sở ở huyện, thành phố.

Việc phân cấp các đơn vị của các ngành ở tỉnh giao cho huyện quản lý tuy đã tếin hành được một bước, nhưng không đồng bộ, chưa khẩn trương và còn nhiều mặt không dứt khoát. Sau khi phân cấp, đã phát sinh nhiều hiện tượng bất hợp lý mới chưa được kịp thời giải quyết như: ngành ở tỉnh coi nhẹ tăng cường giúp đỡ huyện theo hệ thống dọc (đối với sản xuất), hoặc huyện có khuynh hướng tự túc khép kín không theo sự quản lý tập trung thống nhất của tỉnh (đối với phân phối lưu thông). Những biểu hiện trên tuy chưa phải là phổ biến, nhưng cần quan tâm ngăn chặn kịp thời.

Đối với cơ sở bộ máy của phường, xã tuy có được quan tâm kiện toàn, nhưng nói chung còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Hệ thống chuyên chính vô sản ở xã, phường chưa được củng cố đồng bộ. Chính sách đạo tạo bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ phường, xã tuy đã được giải quyết một bước, nhưng vẫn còn chưa hợp lý. Cán bộ ở cơ sở còn gặp nhiều khó khăn trong công tác và đời sống, thiếu yên tâm lo tròn nhiệm vụ chung.

Những thiếu sót và những khuyết điểm trên do mấy nguyên nhân sau đây:

Về mặt khách quan, không ngoài những nguyên nhân kinh tế xã hội trong cả nước, do nền kinh tế vốn đã lạc hậu và mất cân đối trầm trọng, lại bị đảo lộn lớn trong những năm sau chiến tranh. Ngoài ra, chúng ta còn phải chịu ảnh hưởng biến động bất lợi của tình hình kinh tế thế giới và những hoạt động phá hoại nhiều mặt của đế quốc Mỹ và bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc gây ra làm tăng thêm những khó khăn và thử thách mới đối với nó nkinh tế nước ta. Tuy nhiên, điều quan trọng là do những nguyên nhân chủ quan mà chúng ta cần phải thấy một cách sâu sắc hơn, đó là:

- Tư tưởng bảo thủ, trì trệ, trách nhiệm không được đề cao thể hiện trong công tác tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành. Trên một số lĩnh vực còn hữu khuynh, thiếu nghiêm túc đấu tranh để đề cao ý thức tổ chức, kỷ luật trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

- Nắm và vận dụng đường lối, nghị quyết chỉ thị của Đảng chưa linh hoạt, sắc bén. Trong khi nêu ra một số nhiệm vụ, chủ trương, lại thiếu những biện pháp tích cực, chủ động, sáng tạo phù hợp với tình hình địa phương để tháo gỡ những vướng mắc trong cơ chế quản lý hiện nay, đồng thời cũng chưa huy động được lực lượng đồng bộ của các ngành, các cấp tập trung thực hiện.

- Trong chỉ đạo thực hiện, thiếu những biện pháp có hiệu quả để bố trí cán bộ, sắp xếp bộ máy cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ. Tình hình tổ chức cơ sở quá yếu hiện nay vừa là thiếu sót, vừa là nguyên nhân quan trọng của những mặt yếu nói trên.

Bên cạnh những kết quả và thành tích đã đạt được trong hơn 3 năm thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II là mặt cơ bản, mặt tích cực của tình hình, thì những thiếu sót và khuyết điểm trên đây, trong đó những khuyết điểm về tư tưởng bảo thủ về tinh thần trách nhiệm, về tổ chức thực hiện, về bố trí và kiện toàn bộ máy là những khuyết điểm nghiêm trọng có tác động đến hiệu quả của việc chấp hành các chủ trương, Nghị quyết của Đảng. Những khuyết điểm đó, trước hết thuộc về trách nhiệm lãnh đạo của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ. Ban chấp hành xin nghiêm khắc tự

phê bình trước Đại hội. Đồng thời, Ban chấp hành cũng đề nghị các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, các đồng chí phụ trách các công việc được phân công, tuỳ theo cương vị và trách nhiệm của mình tiến hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Trên cơ sở đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu sửa chữa khuyết điểm, thiếu sót, vươn lên hoàn thành những nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, góp phần thiết thực và có hiệu quả hơn vào việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và các nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III kỳ này.

PHẦN THỨ HAI
Phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội đến năm 1985 và trước mắt trong năm 1983

Hiện nay, đất nước ta còn nhiều mặt khó khăn to lớn và mất cân đối nghiêm trọng trong kinh tế và đời sống. Thêm vào đó, lại phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt do bọn bành trướng, bá quyền Trung Quốc cấu kết với đế quốc Mỹ gây ra. Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương cũng còn nhiều khó khăn, như đã báo cáo trên, không thể giải quyết ngay trong một thời gian ngắn.

Tuy nhiên, chúng ta có nhiều thuận lợi cơ bản. Trước hết là Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 3 soi sáng. Đồng thời, lại được sự chỉ đạo ngày càng tập trung, cụ thể, đồng bộ và có hiệu lực hơn của Trung ương Đảng và Nhà nước bằng nhiều nghị quyết, chính sách, chủ trương, biện pháp mới. Qua thực tiễn mấy năm phấn đấu gần đây, chúng ta đã trưởng thành hơn một bước, tích luỹ thêm kinh nghiệm, am hiểu hơn thực tế của địa phương và càng rút được nhiều bài học, kết luận bổ ích cho mình là: Nếu bám chặt đường lối, Nghị quyết của Trung ương, vận dụng đúng đắn, tích cực, kịp thời và sát hơn vào hoàn cảnh của địa phương thì sẽ khắc phục được khó khăn, tạo thêm tiền đề và thuận lợi mới để tiếp tục đưa tình hình kinh tế - xã hội tiến lên.

Căn cứ vào những thuận lợi cơ bản đó, chúng ta xác định những mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội từ nay đến hết năm 1985 và trước mắt trong năm 1983 như sau :

A - Những mục tiêu chung về kinh tế - xã hội :

Tù nay đến hết năm 1985, chỉ còn lại 3 năm. Yêu cầu cơ bản của các mục tiêu phải nhằm tập trung đẩy mạnh cải tạo, kết hợp với sắp xếp lại một bước và phát triển thêm sản xuất, để nhanh chóng ổn định được tình hình kinh tế xã hội, đáp ứng được những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm bớt các mặt còn mất cân đối gay gắt nhất ở địa phương, thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối lưu thông, tạo điều kiện cho những năm sau tiến lên mạnh mẽ, vững chắc hơn.

Các mục tiêu chung gồm:

1. Đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

- Tập trung giải quyết vững chắc vấn đề lương thực trong tỉnh để đủ ăn, có chăn nuôi, đồng thời có dự trữ. Tăng thêm sản xuất để nâng dần mức đáp ứng nhu cầu về một số loại thực phẩm chủ yếu như: thịt, cá, đậu phụ, dầu ăn, rau, nước mắm, nước chấm, đường, bánh kẹo, v.v…

- Bảo đảm mức tiêu dùng thiết yếu về vải mặc (bao gồm cả hàng may mặc sẵn), thuốc chữa bệnh, giấy, chất đốt, dầu thắp v.v... Và tăng thêm cung ứng đồ dùng thông thường mà địa phương có điều kiện nguyên liệu sản xuất lại cho như vỏ ruột xe đạp, chén bát, lu, hũ, bàn ghế, giường v.v...

- Giải quyết từng bước cụ thể nhu cầu nhà ở cho cán bộ, công nhân viên chức bằng nhiều hình thức. Tăng thêm vật liệu xây dựng bán cho nhân dân.

- Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc đi lại bình thường chính đáng của nhân dân và đi công tác của cán bộ, công nhân viên chức.

Tăng thêm các điều kiện và nâng cao chất lượng trị bệnh, nuôi dạy trẻ, giáo dục, đào tạo, dịch vụ, du lịch, v.v...

Trong khi phấn đấu từng bước giải quyết các yêu cầu thiết yếu về đời sống chung, cần quan tâm thích đáng đến yêu cầu bảo đảm cung cấp các mặt hàng theo tiêu chuẩn định lượng cho cán bộ, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang; giải quyết tốt hơn chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ phường, xã, cán bộ y tế, giáo dục và giảng dạy, nghệ sĩ, diễn viên, vận động viên; giải quyết tốt hơn thuốc chữa bệnh cho nhân dân, giấy viết cho học sinh, chất đốt ở thành phố, dầu thắp ở nông thôn; đảm bảo được các nhu cầu thiết yếu về vật chất và tinh thần đến tận các vùng dân tộc, vùng kháng chiến cũ, vùng kinh tế mới; phát triển thêm ngành nghề để giải quyết đời sống cho những người chưa có việc làm chính đáng; khuyến thích việc sản xuất cải thiện đúng đắn của cán bộ, công nhân viên chức, nhất là các cơ quan hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang.

2. Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư.

Tập trung đầu tư theo hướng sắp xếp lại một bước cơ cấu kinh tế hợp lý, chú ý đến thuỷ lợi, các cơ sở phục vụ nông nghiệp, chế biến nông, lâm, hải sản. Trước hết phải đầu tư theo chiều sâu để đồng bộ hoá dây chuyền sản xuất, phát huy tốt hơn năng lực sản xuất hiện có. Những công trình mới xây dựng cần tính toán kỹ hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm các mặt cân đối trong xây dựng, cũng như khi đưa công trình vào sử dụng.

Đi đôi với đầu tư sản xuất phải quan tâm đầu tư thoả đáng hơn cho y tế, văn hoá, xã hội, chú ý xây dựng thêm nhà ở.

Tích cực đóng góp của tỉnh của tỉnh vào công tác chuẩn bị và triển khai công trình thuỷ điện Trị An và những phần có liên quan chuẩn bị phục vụ cho dầu khí.

3. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới.

Phấn đấu đến cuối năm 1985 đưa 70 – 80% nông dân lao động vào làm ăn tập thể với hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Số còn lại tổ chức thành các tổ đoàn kết sản xuất. Trong năm 1983, tiến hành xong điều tra, điều chỉnh ruộng đất và xoá bỏ các hình thức bóc lột ở nông thôn phát triển thêm tập đoàn sản xuất, và tổ chức rộng rãi các tổ đoàn kết sản xuất ở những nơi chưa có tập đoàn, để tập dượt nông dân đi vào làm ăn tập thể. Tiếp theo trong những năm 1984-1985 hoàn thành cơ bản mục tiêu nói trên.

Tích cực tiến hành cải tạo đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Thực hiện chính sách vừa sử dụng, vừa cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh, triệt để ngăn chặn tư bản thương nghiệp phục hồi dưới mọi hình thức. Sắp xếp và tổ chức lại ngành tiểu,

thủ công nghiệp. Tăng cường quản lý thị trường, tiếp tục mở rộng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và củng cố phát triển nhanh hệ thống hợp tác xã mua bán, sắp xếp và sử dụng có chọn lọc một số người buôn bán nhỏ có thái độ làm ăn đúng đắn, có tay nghề, đồng thời hướng dẫn số còn lại chuyển sang sản xuất.

Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa trong các ngành kinh tế văn hóa khác. Tập trung củng cố hơn nữa về mọi mặt, nhất là chất lượng quản lý của các đơn vị sản xuất kinh doanh quốc doanh và tập thể trong tất cả các ngành, phát huy vai trò và tác dụng tích cực của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

4. Phấn đấu nâng cao chất lượng và phát triển phong trào văn hóa - xã hội.

Nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, sách báo, các tác phẩm văn hóa và các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Thực hiện các biện pháp đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành để từng bước xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

Phấn đấu đạt cho được những tiến bộ cụ thể và rõ rệt, phải xây dựng cho được từng phong trào, có điển hình và mở rộng được điển hình trong các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục, thể thao, thương binh, xã hội v.v...

5. Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng về mọi mặt và không ngừng tăng cường quốc phòng toàn dân, ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch

Phát huy hơn nữa sức mạnh của chuyên chính vô sản, trên cơ sở phát động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Sử dụng sức mạnh tổng hợp của quần chúng và các lực lượng vũ trang chủ động tấn công liên tục trấn áp bọn phản cách mạng và các bọn tội phạm khác nhằm bẻ gãy ý đồ gây bạo loạn và các hành động phá hoại kinh tế, lũng đoạn về tư tưởng kiên quyết đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tốt tài sản xã hội chủ nghĩa.

Phát triển và củng cố lực lượng vũ trang và công an nhân dân tại chỗ, triển khai thế trận ở những vùng xung yếu, tạo ra thế bố trí chiến lược kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

Ra sức xây dựng và phát triển kinh tế văn hóa, kết hợp với đẩy lùi tiêu cực, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh lâu dài với kẻ thù trực tiếp và kẻ thù cơ bản ở nước ta.

6. Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với sự nghiệp cách mạng.

Bảo đảm các chỉ tiêu đóng góp với cả nước theo kế hoạch : giao nộp vật tư, hàng hóa, hàng xuất khẩu, ngân sách, tuyển quân, tuyển lao động. Giáo dục sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nghĩa vụ đối với đất nước, đối với hai nhiệm vụ chiến lược.

7. Làm tốt nghĩa vụ quốc tế được giao.

Luôn luôn giáo dục tinh thần quốc tế vô sản chân chính, đặc biệt là tăng cường tuyên truyền giáo dục về tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam với Liên Xô, với Lào và Cam-pu-chia, với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác ; tích cực ủng hộ phong trào đấu tranh vì hòa bình độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân các nước. Thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các nghị quyết của trung ương đối với tỉnh Kong-pong-thom kết nghĩa.

8. Tiếp tục củng cố hệ thug chuyên chính vô sản:

Thường xuyên quan tâm tăng cường, củng cố hệ thống chuyên chính vô sản từ tỉnh đến cơ sở đủ mạnh nhằm xây dựng phát huy tốt nhất quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, theo cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Để bảo đảm thực hiện có kết quả các mục tiêu trên đây các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ cần nắm vững một số quan điểm cơ bản sau đây :

1. Phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, đề cao trách nhiệm, tập trung sức giải quyết cho được các yêu cầu quan trọng cấp bách nhất về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng. Phải nắm vững và đưa hẳn vào đất đai, lao động, tài nguyên và cơ sở vật chất hiện có để phấn đấu không những bao đảm đủ tiêu dùng, mà còn có tích lũy, tái sản xuất mở rộng và đóng góp cho cả nước. Đấu tranh khắc phục những biểu hiện của tư tưởng sợ trách nhiệm đổ lỗi cho khách quan, hoặc ỷ lại, trông chờ vào trên, dựa dẫm vào bên ngoài và những biểu hiện của tư tưởng cục bộ, bản vị cát cứ, khép kín theo lối tự cung tự túc một cách máy móc, tách rời với các mối liên hệ của một nền kinh tế tập trung thống nhất.

2. Phải coi trọng đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế hiện nay, gắn chặt cải tạo với sắp xếp, tổ chức lại sản xuất và xây dựng. Lấy cải tạo để mở đường cho xây dựng, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, lấy xây dựng làm mục đích để cải tạo, trong đó xây dựng là chính.

3. Thực hiện đúng đắn và sáng tạo phương châm : "Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm". Do đó, một mặt phải sử dụng có hiệu quả sự chi viện của trên, mặt khác cần phân công phân cấp rõ để động viên cả tỉnh, thành phố, huyện, phường, xã, các ngành, các đơn vị cơ sở cùng lo chung. Hết sức phát huy tính tích cực sáng tạo của cơ sở coi trọng phát động quần chúng, huy động sức dân trong sự nghiệp cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa. Mở rộng quan hệ hợp tác có tổ chức và có kế hoạch dưới các hình thức liên kết, liên doanh giữa các đơn vị kinh tế trong và ngoài địa phương.

4. Coi trọng hơn nữa ứng dụng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào các ngành sản xuất, vào công tác quản lý và các mặt khác của đời sống kinh tế xã hội. Gắn việc xây dựng các chương trình ứng dụng thiết thực các tiến bộ kỹ thuật với kế hoạch kinh tế - xã hội vào từng cơ sở, tùng ngành, từng địa phương. Coi trọng phát huy sáng kiến cải tiến để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả của sản xuất, kinh doanh và chất lượng nghiệp vụ quản lý.

5. Thấm nhuần quan điểm triệt để tiết kiệm, để sử dụng hợp lý tiền vốn vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc, thời gian, lực lượng lao động và hàng hoá trong các lĩnh vực sản xuất và đời sống, đồng thời kiên quyết chống tham ô, khắc phục tình trạng hư hao, lãng phí mất mát.

6 Mạnh dạn tháo gỡ những vướng mắc trong cơ chế quản lý thuộc quyền hạn và trách nhiệm của mình, để bảo đảm sản xuất và kinh doanh có hiệu quả hơn. Thực hiện đổi mới kế hoạch hóa, hạch toán và vận dụng đúng đắn các chính sách, đòn bẩy kinh tế để kiểm tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đề cao trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện và kiểm tra hoàn thành kế hoạch, tăng cường tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa và sự hợp đồng đồng bộ giữa các ngành, các cấp và các đơn vị.

7. Đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, chống tự do, tùy tiện, đồng thời cũng chống trì trệ, bảo thủ, quan liêu, bao cấp.

8. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Phát triển kinh tế phải kết hợp bảo đảm yêu cầu của quốc phòng. Quy hoạch kinh tế phải gắn chặt với xây dựng địa bàn trọng điểm của quốc phòng. Tổ chức các lực lượng vũ trang tham gia xây dựng kinh tế và sản xuất tự cải thiện đời sống một cách thích hợp, có kế hoạch và có hiệu quả.

B - Những nhiệm vụ chủ yếu của các ngành, các cấp:

Để thực hiện các mục tiêu trên, các ngành, các cơ trong tỉnh cần tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sâu đây:

1. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, đẩy mạnh thâm canh một cách tích cực, vững chắc và có trọng điểm, tiếp tục mở rộng các vùng chuyên canh tăng nhanh đàn gia súc, gia cầm.

Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong toàn bộ sự nghiệp kinh tế.

Từ nay đến hết năm 1985, phải tập trung đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp theo mục tiêu đề ra. Trước hết, phải hoàn thành dứt điểm việc điều chỉnh ruộng đất ở những nơi còn tồn tại. Tiếp tục củng cố vững chắc các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đã có, phát triển thêm các tập đoàn sản xuất ở những nơi đủ điều kiện. Tích cực vận động, thu hết và tổ chúc rộng rãi nông dân vào tổ đoàn kết sản xuất ngay trong năm 1983, tập dượt và nâng lên tập đoàn sản xuất vào năm 1985. Xây dựng thí điểm hợp tác xã nông nghiệp ở những huyện chưa có. Phát triển thêm một số hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở những huyện đã có thí điểm. Mở rộng các đơn vị sản xuất tập thể phải gắn chặt với việc phát huy, củng cố, xây dựng, mở rộng các hợp tác xã mua bán, thành lập nhanh các hợp tác xã tín dụng để tăng cường đồng thời và củng cố đồng bộ hơn nữa các quan hệ kinh tế tập thể ở nông thôn. Tiếp tục mở rộng cơ chế khoán sản phẩm trong tất cả các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Chú ý phát huy mặt tích cực, khắc phục những biểu hiện lệch lạc như khoán trắng, buông lỏng quản lý v.v...

Từ nay đến hết năm 1985 hoàn thành cơ bản được cải tạo nông nghiệp sẽ là một thắng lợi lớn có ý nghĩa quyết định, thiết thực và trực tiếp đến tăng cường cơ sở kinh tế cấp huyện, củng cố cơ sở, tạo ra những biến đổi sâu sắc trong cuộc sống mới ở nông thôn.

Phải tăng cường lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, đặt rõ trách nhiệm trực tiếp cho các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể để phát huy sức mạnh tổng hợp, thực hiện cho được mục tiêu cải tạo nông nghiệp đã đề ra.

Để kế hoạch hóa nông nghiệp được vững chắc, phải tiến hành điều tra, nắm chắc hơn nữa diện tích đất nông nghiệp, trước hết là đất canh tác. Đi đôi với sử dụng hết số ruộng đất hiện có, phải tiếp tục phục hóa, tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng, tiếp tục chuyển hóa cơ cấu cây trồng theo hướng tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao hơn.

Đến năm 1985, đưa tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm lên 240.000 ha, trong đó năm 1983 khoảng 220.000 ha.

Trong những năm trước mắt, lương thực vẫn phải được coi là yêu cầu số một. Đối với cây lương thực, phải tập trung đầu tư thâm canh, tăng thêm phân, bảo đảm do

thuốc trừ sâu, thực hiện kiên quyết hơn chủ trương thay đổi giống và hoàn chỉnh thủy nông, đưa nhanh năng suất bình quân đến năm 1985 đối với lúa trên 30 tạ/ha, bắp 20 tạ/ha, để đạt tổng sản lượng lương thực khoảng 420.000-450.000 tấn quy lúa và bình quân lương thực đầu người toàn tỉnh trong năm đạt khoảng 300 kg. Trong năm 1983, phấn đấu đạt 380.000 - 400.000 tấn và bình quân 280 kg.

Phải kiên trì tổ chức thực hiện bằng đu7o5c việc đầu tư thâm canh thông qua hợp đồng hai chiều, gắn chặt với tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể, xây dựng các vùng thâm canh cao sản, bằng sức mạnh tổng hợp ở cơ sở và trên địa bàn huyện. Mỗi huyện phải tự cân đối được lương thực cho nhu cầu trên lãnh thổ và xác định rõ chỉ tiêu nghĩa vụ giao nộp lương thực về tỉnh để giải quyết nhu cầu chung.

Đối với cây công nghiệp, chúng ta chủ trương tạo nhanh tích lũy từ nông nghiệp thông qua tập trung mở rộng trước mắt diện tích cây công nghiệp ngắn này, trên cơ sở tăng vụ, mở rộng gieo trồng ở các vùng chuyên canh hiện nay, nhất là đậu nành, đậu phộng, mía, thuốc lá. Đến năm 1985 đậu nành phải đạt khoảng 36.000 – 40.000 ha với sản lượng khoảng 43.000 – 48.000 tấn (năm 1983 là 28.000 ha với 28.000 tấn), đậu phộng 15000 ha với 17.800 tấn (năm 1983 là 13.500 ha với 13.500 tấn), mía 12.000 ha với sản lượng 550.000 tấn (năm 1983 là 9.700 ha với 440.000 tấn), thuốc lá 7.000 ha với 7.000 tấn (năm 1983 là 5.200 ha với 4.200 tấn).

Về cây công nghiệp dài nagỳ cần quy hoạch lại cụ thể và có kế hoạch mở rộng diện tích trồng mới đối với những cây đã có kinh nghiệm và tập quán (cao su, cà phê, dừa, điều, tiêu, v.v..). Cây cọ dầu, từ nay đến năm 1985, tiếp tục theo dõi, xác định và kết luận về kỹ thuật và hiệu quả kinh tế, đưa hết số giống và cây con đã có ở Sông Ray tập trung trồng thêm ở Gia An.

Việc mở rộng trồng mới cây công nghiệp dài ngày, phải kết hợp vận dụng phương châm "Nhà nước và nhân dân, địa phương và Trung ương cùng làm". Chú trọng khuyến khích kinh tế gia đình, sử dụng đất vườn, vườn rừng, tham gia tập trung trồng các loại cây có sản lượng hàng hoá và có giá trị xuất khẩu theo từng địa bàn thích hợp.

Đối với chăn nuôi, tích cực phát triển các loại gia súc, gia cầm, nhưng trước hết phải tập trung chỉ đạo tăng nhanh đàn heo để sớm tạo thành một thế mạnh mới cảu tỉnh. Hướng tập trung chính là chăn nuôi gia đình ở nông thôn và các vùng nhiều màu. Phấn đấu đến năm 1985 có tổng đàn heo đạt khoảng 200.000 con (năm 1983 160.000 con), bảo đảm bình quân ở các huyện có nhiều màu ít nhất 1,5 – 2,0 con/hộ và bình quân toàn tỉnh mỗi hộ 1 con. Riêng đàn heo quốc doanh cả tỉnh và huyện phải đạt đến năm 1985 là 11.000 con (năm 1983 là 8.800 con). Chuyển hướng sản xuất của các trại chăn nuôi heo quốc doanh tập trung gây nhân giống là chính. Từng huyện cũng phải khoanh vùng mở rộng sản xuất con giống nuôi thịt tại chỗ, chú ý phát triển nhanh trong khu vực tập thể. Vùng thành phố và thị trấn đông dân, tiếp tục tận dụng chuồng trại sẵn có để chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp. Để bảo đảm thực hiện được số đầu heo trên, phải tích cực giải quyết chủ động và đồng bộ hơn về thức ăn và thú y.

Đối với trâu, bò và các loài vật nuôi khác, khuyến khích phát triển theo chính sách hiện hành. Đến năm 1985, bò cần đạt 45.000 con (trong năm 1983 là 40.000 con), trâu 4.000 con (trong năm 1983 là 12.000 con).

Đối với các nông trường quốc doanh, trạm trại nông nghiệp của tỉnh và của huyện đã được phân cấp quản lý, phải tiếp tục củng cố toàn diện về mặt quản lý, trên cơ sở đó, bảo đảm phương hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

Tiếp tục củng cố toàn diện các xã kinh tế mới, gắn liền với kế hoạch củng cố cơ sở trên địa bàn huyện.

2. Coi trọng đúng mức việc bảo vệ, chăm sóc, tu bổ và trồng mới. Tổ chức khai thác, phân phối, sử dụng lâm sản một cách hợp lý, chặt chẽ, tiết kiệm và có hiệu quả cao hơn.

Từ nay trở đi, phải đặt công tác bảo vệ, chăm sóc tu bổ và trồng rừng mới là yêu cầu hàng đầu trong lâm nghiệp. Để thực hiện yêu cầu này phải thực hiện cho xong việc phân cấp giao đất, giao rừng, giao lâm trường cho huyện theo chủ trương đã có. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo đúng mức hơn nữa về mặt lâm sinh và nghiệp vụ lâm nghiệp theo hệ thống ngành dọc từ tỉnh đến huyện và cơ sở, để sau khi phân cấp về lâm nghiệp, hoạt động toàn ngành vươn lên đúng hướng, toàn diện và có hiệu quả hơn.

Trong bảo vệ, chăm sóc, phải đặc biệt giữ cho được các khu rừng cấm. Củng cố lực lượng kiểm lâm nhân dân, và xây dựng lực lượng bảo vệ rừng ở các lâm trường, các đơn vị được giao đất, giao rừng. Tổ chức, thực hiện chính sách mới để huy động nhân dân và lực lượng tổng hợp tham gia bảo vệ, kết hợp với trồng mới... Trong trồng mới, phải tập trung phủ nhanh trước hết các khu đồi trọc. Thí điểm và có kết luận các loại cây thích hợp với môi trường để làm nguyên liệu giấy có hiệu quả kinh tế cao. Trước mắt, tre, nứa vẫn là nguy nguyên liệu giấy chủ yếu phục vụ cho công nghiệp trung ương. Đảm bảo kế hoạch trồng rừng tập trung của các lâm trường và kế hoạch trồng cây nhân dân.

Trong khai thác, phải kiên quyết cải tạo kết hợp chặt với tổ chức lại sản xuất và quản lý. Các lâm trường phải vươn lên bằng lực lượng quốc doanh trong khai thác và vận suất loại trừ các hình thức sử dụng tư nhân dưới dạng tổ hợp và thầu trung gian.

Chỉ đạo và quản lý chặt chẽ việc khai thác gỗ, củi lòng hồ Trị An ăn khớp với tiến độ ngập nước, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật trong việc dọn lòng hồ.

Trong chế biến, phải cải tạo các cơ sở tư nhân và sắp xếp sử dụng theo yêu cầu của từng khu vực, địa bàn. Tăng cường lực lượng và sử dụng hết công suất chế biến cường các cơ sở quốc doanh. Ưu tiên tập trung nguyên liệu gỗ cho chế biến ở các cơ sở Nhà nước.

Trong sử dụng lâm sản, phải tận dụng hợp lý gỗ, củi. Chấm dứt tình trạng lợi dụng dưới nhiều hình thức biến gỗ thành củi. Từ nay, không có đơn vị nào được tự tiện quan hệ buôn bán trao đổi gỗ, củi với các nơi khác ngoài kế hoạch. Tích cực tổ chức tận dụng và mở rộng cơ sở, năng lực chế biến đồ mộc dưới nhiều hình thức để đến năm 1985 có thể sản xuất được một khối lượng lớn đồ mộc phục vụ cho tiêu dùng, tăng thêm nguồn xuất khẩu. Tiếp tục tổ chức lại việc khai thác, kinh doanh củi thành một mặt hàng phục vụ ổn định cho nhu cầu địa phương, và có trao đổi kinh tế theo kế hoạch. Để thực hiện các yêu cầu nói trên, đến năm 1985, sẽ trồng mới rừng tập trung mỗi năm từ 2500 - 3000 ha (năm 1983 là 2400 ha), trồng cây nhân dân 1tr5 cây/năm, chăm sóc từ 2000 - 2500 ha/năm, tu bổ 1000 ha/năm, khai thác ít nhất 70.000 m^3 gỗ/năm và 200.000 ster củi/năm. Từ nay đến năm 1985, ngành lâm nghiệp tiếp tục chỉ đạo mở rộng phương thức kết hợp sản xuất lâm - nông ở các lâm trường của tỉnh,

huyện và ở các xã có rừng. Tiếp tục thực hiện kế hoạch củng cố và mở thêm các khu vực định canh, định cư của các dân tộc trong tỉnh.

3. Tiếp tục cải tạo, tổ chức lại lực lượng sản xuất trong ngư dân và trong quốc doanh, mở rộng nhanh năng lực đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản, tăng cường quản lý thư mua, chế biến sản phẩm, phục vụ cho tiêu dùng và ưu tiên tập trung cho xuất khẩu.

Cỉa tạo và tổ chức lại sản xuất trong ngư dân, diễm dân. Thực hiện kế hoạch tăng thêm lao động ngư nghiệp cho vùng biển Xuyên Mộc và Long Đất. Tiếp tục củng cố đoàn tàu quốc doanh đánh hải sản.

Đi đôi với đẩy mạnh đánh bắt, phải tập trung hướng chính vào đầu tư mở rộng diện tích nuôi trồng, kể cả cơ sở của tỉnh và ở các huyện, nhất là ở vùng sát mặn, lợ của các huyện ven biển và của Long Thành. Cả đánh bắt và nuôi trồng đều coi trọng ưu tiên khai táhc hỉa sản xuất khẩu. Trong nuôi trồng, kết hợp đẩy mạnh cả 3 khu vực : quốc doanh, tập thể và gia đình, thực hiện phương châm : Nhà nước và nhân dân cùng làm. Có chính sách đầu tư để thống nhất quản lý sản phẩm xuất khẩu ngay từ năm 1983.

Mở rộng cả năng lực chế biến nước mắm, bột cá diện tích sản xuất muối. Xây thêm cơ sở mới về chế biến đông lạnh.

Đến năm 1985, phấn đấu 14500 tấn/năm hải sản đánh bắt (năm 1983 là 13000 tấn), sản phẩm xuất khẩu hàng năm 600 – 1000 tấn, diện tích nuôi trồng tập trung đạt 800 ha (năm 1983 đạt 500 ha), chế biến 2 triệu lít nước mắm (năm 1983 là 1 triệu lít), 250 tấn bột cá (năm 1983 là 150 tấn) và sản xuất muối hàng năm đạt 45.000 – 55.000 tấn. Bắt đầu từ năm 1983, ngành thuỷ sản ngoài nhiệm vụ tự cân đối cho mình, phải tăng nhanh tích luỹ đóng góp cho tỉnh.

4. Tiến hành một bước sắp xếp lại sản xuất, tiếp tục xây dựng và phát triển công nghiệp (nhất là tiểu, thủ công nghiệp) kết hợp hợp lý công nghiệp với nông nghiệp và các ngành kinh tế khác trong toàn tỉnh và trên địa bàn từng huyện, trên cơ sở tận dụng chủ yếu năng lực sản xuất hiện có với nguồn nguyên liệu địa phương để sản xuất thêm hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Sắp xếp và phân công, phân cấp lại sản xuất cơ khí từ tỉnh đến huyện, xã và giữa các ngành.

Bảo đảm số lượng, chất lượng các mặt hàng phục vụ nông nghiệp hiện nay (như công cụ cầm tay, bình xịt, máy bơm, tăng thêm mặt hàng phục vụ tập trung hơn cho nông nghiệp (phụ tùng, công cụ, chế biến, xe cải tiến v.v...)

TÌm mọi cách tận dụng và xây dựng thêm cơ sở của công nghiệp chế biến, sản xuất thêm mặt hàng mới từ nguyên liệu nông sản như đậu nành, đậu phộng, thuốc lá v.v... để tăng thêm giá trị và tạo thêm tích luỹ.

Phát triển mạnh cây công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng để đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ bản của Nhà nước và cung cấp rộng rãi hơn cho nhân dân. Các huyện phải có kế hoạch điều tra nắm lại khả năng các nguồn nguyên liệu trong địa phương (kể cả nông, lâm, hải, khoáng sản) để tổ chức khai thác kết hợp với chế biến tại chỗ ngay trong vùng nông, lâm, ngư nghiệp, phân công thêm lao động, mở rộng thêm ngành nghề, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý trên địa bàn mỗi huyện và mở rộng liên kết sản xuất rộng hơn.

Đặc biệt thành phố Biên Hoà là trung tâm phối hợp với công nghiệp trung ương, tỉnh, các huyện, các ngành và rộng hơn nữa với thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh bạn, nên phải có kế hoạch thật cụ thể trong việc tập trung, cải tạo, sắp xếp quản lý lại lực lượng tiểu, thủ công nghiệp, mở rộng thêm sản xuất, liên kết sản xuất kinh doanh, để có thêm nguồn hàng phục vụ tiêu dùng, trao đổi lấy lương thực, thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của thành phố, và tăng thêm sản xuất.

Trong những năm tới, các huyện và nhất là thành phố Biên Hoà, phải khẩn trương tiến hành tiếp tục công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp.

Phấn đấu đến năm 1985 phải đạt giá trị tổng sản lượng công nghiệp trên 300 triệu đồng (năm 1983 là 200 triệu đồng, chưa kể cao su). Một số sản phẩm chủ yếu năm 1983 và năm 1985 sẽ phải đạt như chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước đề ra.

Trong sản xuất công nghiệp, phải quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo, thực hiện tốt hơn nữa việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cải tiến quản lý, thực hiện bắt buộc chế độ hợp đồng sản xuất, cung ứng, tiêu thụ, giữa các đơn vị, áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật hợp lý, triệt để tiết kiệm vật tư, nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, thực hiện hạch toán kinh tế đúng đắn, tăng năng suất, hạ giá thành, đảm bảo chất lượng, quản lý chặt chẽ việc giao nộp đầy đủ sản phẩm các phần kế hoạch và các nguồn thu cho ngân sách, thực hiện phân phối hài hòa giữa 3 lợi ích theo các hướng dẫn và quy định mới nhất của Nhà nước đối với quốc doanh và tập thể. Trong các phương thức tổ chức sản xuất, chế biến, từ nay các đơn vị quốc doanh không được đưa đồng bộ các loại nguyên liệu vật tư của Nhà nước ra gia công với tư nhân và tổ hợp bên ngoài để làm sản phẩm hoàn chỉnh, mà chỉ cho phép gia công bộ phận, chi tiết mà quốc doanh không đủ công suất hoặc thiếu công nghệ giải quyết, với điều kiện Nhà nước quản lý được định mức vật tư và chất lượng gia công.

5. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật một cách có trọng điểm, bảo đảm đầu tư đạt hiệu quả cao và mau thu hồi vốn. Phát huy khả năng của các ngành, các địa phương, vận dụng đúng đắn phương châm : Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Trong những năm tới, do điều kiện ngân sách nhà nước có hạn, nên mỗi năm trung ương đầu tư vốn cho ra phương không nhiều. Địa phương sẽ cố gắng huy động thêm nhiều nguồn vốn, bảo đảm hàng năm đầu tư chung vào khoảng từ 80 đến 100 triệu đồng cho xây dựng cơ bản, trong đó ưu tiên tập trung cho những công trình cấp bách nhất đối với kinh tế và đời sống, những công trình có hiệu quả kinh tế cao và mau thu hồi vốn. Chấm dứt tình trạng xây dựng phân tán, dàn đều, không bảo đảm chất lượng, chậm đưa công trình vào sử dụng.

Tiếp tục phát huy kết quả và uốn nắn kịp thời những lệch lạc trong việc vận dụng phương châm : Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm. Trên địa bàn thành phố và các huyện, các xã, phường, cần huy động sức dân với điều kiện tự lo được vật tư đồ xây dựng cơ bản, nhất là để trồng rừng, trồng cây công nghiệp dài ngày, làm thủy lợi, giao thông nông thôn, xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục, y tế v.v...

Thống nhất quản lý và phân công, phân cấp rõ ràng trong xây dựng, tăng cường công tác quản lý của Nhà nước về vốn đầu tư về về các mặt quy hoạch, thiết kế kinh tế - kỹ thuật, để bảo đảm hiệu quả và chất lượng xây dựng, tiết kiệm, thiết thực, tránh

lãng phí. Tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh có thêm nguồn vốn để đầu tư theo chiều sâu và tự giải quyết một phần nhu cầu vốn đầu tư của từng đơn vị.

Củng cố và tăng cường lực lượng thi công xây lắp quốc doanh của tỉnh kể cả một số ngành và của Sở xây dựng của thành phố Biên Hòa và các huyện. Khi đã tập trung đầu tư cho những công trình trọng điểm nào, nhất là trong khu vực sản xuất phải đảm bảo thi công đúng hạn. Đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về hậu quả do thi công chậm đối với đơn vị sản xuất nếu đã bảo đảm đủ vốn và vật tư.

Đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng với tốc độ nhanh và bảo đảm chất lượng hơn. Từng bước giải quyết nhu cầu vật liệu xây dựng cho nhân dân. Tiếp tục chăm lo nhà ở cho cán bộ, vừa sửa chữa cũ, vừa xây dựng mới.

Từ nay đến hết năm 1985, với số vốn dự kiến đầu tư hàng năm nói trên, cần tập trung vào các công trình chủ yếu phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến v.v... theo danh mục của kế hoạch Nhà nước.

Trong y tế, giáo dục xây dựng một số bệnh viện huyện, tỉnh (kể cả bệnh viện khu công nghiệp Biên Hòa), xí nghiệp dược phẩm, xây đủ số trường phổ thông trung học còn thiếu, mở rộng trường bổ túc văn hóa thanh niên v.v...

Về nhà ở cho cán bộ, công nhân viên mỗi năm xây thêm 6000 m^2.

Tích cực vận động đóng góp vốn, vật liệu xây dựng, Iực lượng thi công tham gia xây dựng công trình thủy điện Trị An.

Xúc tiến một bước công tác thiết kế quy hoạch thành phố Biên Hòa và quy hoạch các huyện để chỉ đạo và hướng dẫn xây dựng một cách có tổ chức. Ngăn ngừa và khắc phục tình trạng xây dựng không có quy hoạch, không bảo đảm chất lượng và mỹ quan, gây trở ngại về lâu dài cho công việc xây dựng và mở rộng thành phố và các thị trấn sau này. Phân cấp quản lý cụ thể hơn việc quản lý nhà đất và công trình công cộng.

6. Bảo đảm giao thông vận tải và bưu điện thông suốt phục vụ tốt cho mọi hoạt động kinh tế - văn hóa, quốc phòng và đời sống nhân dân.

Cần quản lý tốt các tuyến đường đã có, các đường mới làm và các đường trung ương mới phân cấp. Tăng cường lực lượng để đủ đảm bảo duy tu, bảo dưỡng đường, khôi phục và sửa chữa các cầu đã hư. Khôi phục và nâng cao một số đường quan trọng, nhất là ở vùng biển, các vùng kinh tế mới và các nơi xung yếu, theo khả năng vốn ngân sách và vật tư bảo đảm kế hoạch. Ngoài ra, huy động thêm vốn, vật tư, phương tiện, lao động của nhân dân để sửa chữa, phát triển giao thông nông thôn ở huyện xã theo phân cấp. Nghiên cứu xây dựng thêm quỹ duy tu, bảo dưỡng cầu đường.

Tập trung quản lý, bảo dưỡng và sửa chữa duy trì cho được đầu xe, tận dụng trọng tải xe. Quản lý chặt chẽ và sử dụng tiết kiệm xăng dầu theo đúng định mức. Giáo dục và quản lý tốt đội ngũ lái xe. Chống các hiện tượng tiêu cực trong vận tải.

Kế hoạch hóa và thực hiện chặt chẽ hợp đồng vận tải giữa chủ hàng và đơn vị vận tải. Tăng thêm vận tải hai chiều. Đối với vận tải đường sông, có kế hoạch tận dụng hết năng lực của phương tiện hiện có, phục vụ trước hết cho các ngành hàng của địa phương.

Thành lập thêm tàu chạy ven biển. Phát triển xe chạy than. Tăng cường quản lý và sử dụng các phương tiện vận tải nhẹ và vận tải thô sơ (xe ngựa, xe bò, xe thồ, xe cải tiến v.v...).

Phấn đấu thực hiện được kế hoạch vận tải, ưu tiên tập trung phục vụ kế hoạch vận tải hàng hóa Nhà nước và phục vụ đi lại theo yêu cầu chính đáng của nhân dân.

Nâng cao chất lượng bưu điện để phục vụ công tác chỉ đạo, phục vụ sản xuất và nhu cầu của nhân dân. Mở rộng thêm mạng lưới điện thoại xuống các huyện và các địa bàn trọng điểm, bảo đảm liên lạc được thuận lợi, thông suốt. Cải tiến công việc vận chuyển công văn, thư từ, bưu kiện, bưu phẩm được kịp thời, không thất lạc. Tiếp tục ngăn chặn và xử lý các tiêu cực trong ngành.

7. Thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông, tìm mọi cách cải tiến nhanh hơn nữa các hoạt động cung ứng vật tư, thương nghiệp, xuất nhập khẩu, tài chính, ngân hàng, vật giá nhằm tích cực phcụ vụ sản xuất và thiết thực chăm lo đời sống nhân dân.

Mục tiêu kinh tế - xã hội số một hiện nay và cũng là đòi hỏi bức bách nhất của cán bộ và nhân dân ta là làm sao nhanh chóng ổn định và cải thiện từng bước đời sống.

Với kết quả phát triển sản xuất vừa qua và trước triển vọng mới của tình hình trong điều kiện của tỉnh ta, các nhu cầu thiết yếu về đời sống như lương thực, thịt, rau, đường, chất đốt và một số hàng tiêu dùng thông thường bằng gỗ, sành sứ, cao su chế biến v.v.. hoàn toàn có khả năng thực tế để đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhân dân, nhất là cho công nhân, cán bộ, bộ đội và công an.

Đi đôi với tiếp tục đẩy mạnh sản xuất phát triển, vấn đề cấp bách nóng bỏng và quyết định nhất là phải nắm và quản lý phân phối cho được những sản phẩm nói trên một cách kịp thời, đúng đối tượng theo các phương thức thích hợp.

Về mặt cung ứng cho sản xuất, phải bằng nhiều biện pháp nắm vật tư, tạo them nguồn vật tư và tổ chức lại cho được việc cung ứng thẳng đến các cơ sở sản xuất của các ngành và địa phương.

Trên cơ sở bảo đảm các điều kiện cho sản xuất phát triển, phải tập trung nắm cho được hàng và tiền.

Về thu mau nắm nguồn gàng, các cơ quan lương thực, thương nghiệp, vật tư và xuất khẩu phải vươn lên thực hiện yêu cầu nắm cho được lương thực, thực phẩm, nông sản, hải sản, vật tư, hàng công nghiệp địa phương và hàng xuất khẩu ở cả 3 khu vực quốc doanh, tập thể và cá thể.

Các đơn vị quốc doanh ở tất cả các ngành sản xuất và ở các địa phương phải nghiêm chỉnh giao nộp toàn bộ sản phẩm theo các phần của kế hoạch. Các cơ quan thương nghiệp, vật tư, xuất khẩu, được giao trách nhiệm theo chức năng, phải chủ động ký hợp đồng sản xuất – cung ứng – tiêu thụ với các đơn vị sản xuất theo quy định.

Đối với tiểu, thủ công nghiệp, cơ quan gia công phải thu hồi sản phẩm đầy đủ, đúng quy cách và phải thu mua cho được đại bộ phận sản phẩm do các đơn vị này làm ra. Nghiêm khắc xử lý về mặt hành chính và kinh tế đối mới những cơ sở hoặc những người làm ăn gian dối, đổi tráo hoặc bớt xén nguyên liệu của Nhà nước.

Thành phố Biên Hòa, nơi có nhu cầu lớn về lương thực thực phẩm đồng thời cũng là nơi có khả năng tập trung phát triển sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp, là nơi có nguồn tiền mặt giao lưu khá lớn trong nhân dân, do đó, càng phải chủ động vươn lên tổ chức thực hiện thật tốt trong việc huy động hàng và tiền, để có hàng đối lưu, có tiền thu mua lương thực, thực phẩm từ nơi khác, đáp ứng lại yêu cầu cho khu vực phi nông nghiệp của thành phố.